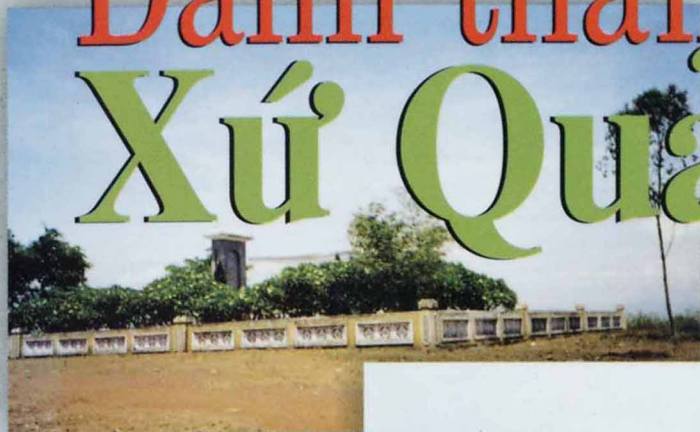


NGUYỄN ĐÌNH CỎ

Danh thắng Xứ Quảng

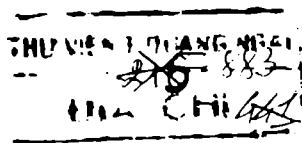


NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

DANH THẮNG XỨ QUẢNG

NGUYỄN ĐÌNH CỎ

DANH THẮNG XỨ QUẢNG



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TP.HCM - 2009

THE
JOURNAL OF THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
PUBLISHED BY THE
CAMBRIDGE UNIVERSITY PRESS
1904

GIỚI THIỆU

TS. Lê Sơn

Thời kháng chiến chống Pháp, nhạc sĩ Văn Cao từ Hà Nội áp tải vũ khí đến ga Quảng Ngãi, chuyển giao cho đoàn Nam bộ, ông có dịp đi dọc sông Trà Khúc và không ngờ tán tưng một vùng đất nước xinh đẹp. Gần 200 năm trước đó, một nhân vật lịch sử nổi tiếng khác là Nguyễn Cư Trinh đã thổi luồng sinh khí vào những cảnh đẹp ở Quảng Ngãi để những tên tuổi ấy còn mãi với thời gian. Kể từ đó, người Quảng Ngãi nào cũng tự hào xứ sở mình là vùng non nước xinh đẹp, là báu vật của trời ban, không phải nơi nào cũng được vinh dự sở hữu. Còn nữa, nhân vật văn học tài danh Cao Bá Quát đã từng cùng bạn uống rượu dưới trăng Sông Trà, để lại cho đời bài thơ bất hủ: “Trà Giang thu nguyệt ca” có những câu thơ thật thấm thiết tưởng như lời thơ Lý Bạch:

Đời người hội ngộ khó biết mấy!

Hãy uống say khướt trăng Sông Trà

Nhà thơ quê ta Bích Khê, người được Hoài Thanh, nhà nghiên cứu kiệt xuất về thơ mới, cho là nhà thơ có những

Nguyễn Đình Cồ 5

câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam, đã nói lên hồn thiêng miền đất Quảng Ngãi:

Trà Giang, Thiên Ấn chuông gầm sóng

Vang tiếng ngàn năm đất Cẩm Thành

Nhà văn Sơn Nam của miền Tây Nam bộ có được một ngày một đêm lang thang thăm chơi cùng bạn bè tại vùng đất Quảng Ngãi, cũng hết lời khen xứ sở hữu tình, nhưng ông tán tụng nhất là việc người dân Quảng Ngãi đã đưa di hài của chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng táng trên đỉnh núi Thiên Ấn. Một bậc tôn quý như cụ Huỳnh xứng đáng được yên nghỉ tại danh lam thắng cảnh Thiên Ấn.

Tôi cũng đã được xem thơ vịnh mười hai thắng cảnh Quảng Ngãi của nhà thơ Phạm Thiên Thư, tác giả của những bài đạo ca và bài thơ Ngày xưa Hoàng Thị nổi tiếng một thời. Vốn gốc người miền Bắc nơi có nhiều danh lam thắng, song nhà thơ đã đem lòng say mê mười hai thắng cảnh đất Quảng Ngãi và thốt lên những lời thơ đầy cảm xúc. Nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu Quảng Ngãi đã từng ca ngợi những thắng cảnh của quê hương mình trong nhiều thể loại nghệ thuật khác nhau. Nhiều bài thơ, áng văn, sách vở, nhạc phẩm, nhiều nhất là các họa phẩm, tranh ảnh nghệ thuật về đất và người Quảng Ngãi, bằng bạc tình yêu quê nhà. Không chỉ là nơi chôn nhau cắt rốn mà Quảng Ngãi còn là vùng thiên nhiên đậm đà kỷ niệm không thể nào quên. Có bài thơ đầy tự hào quê hương mình tự hào như thế, bài:

6 Danh thắng xứ Quảng

QUẢNG NGÃI TỰ HÀO

Mấy mươi năm bấy giờ ta mới hiểu
Có một trời Quảng Ngãi giấu trong tim
Và Quảng Ngãi ôi vô cùng huyền diệu
Sâu trong lòng một giấc ngủ say êm

Rồi như thể lòng ta cùng cất cánh
Với bao nhiêu đồ án sẽ vươn lên
Người Quảng Ngãi tài năng và kiêu hãnh
Vượt lên bao gian khó giữa mông mênh

Như ngày xưa tổ tiên ta vượt sóng
Cờ tiên phong mở vạn lý trường sa
Người hôm nay, trùng trùng giàn thế trận
Vạch ngang trời khu Vũng Quýt bao la

Sáu trăm năm bao mồ hôi máu đổ
Dựng lên nền văn hiến một phương trời
Bao hùng khí oai linh non nước Quảng
Bao nhân tài xây Tổ quốc đẹp tươi

Cờ Ba Tơ phất trang vàng sử Việt
Ngàn muôn sau còn nhắc chuyện Trà Bồng
Toàn thế giới phải ghi hờn Sơn Mỹ
Lập tượng đài bác sĩ Đặng Thùy Trâm

Mấy mươi năm ta một niềm cố xứ
Ngày về đây cùng bè bạn hoan ca
Ta sung sướng mừng quê hương đổi mới
Ta tự hào đất Quảng Ngãi quê ta.

Cũng như ngày xưa, thời nhà Đường, nhà thơ Giả Đảo nói lên được nỗi niềm tâm sự của những người có hai cố hương, nơi sinh ra lớn lên là Hàm Dương và nơi cư trú sinh nhai là Tinh Châu qua bài tứ tuyệt:

ĐỘ TANG CÀN

Khách trú tinh châu dĩ thập sương
Quy tâm nhất dạ ức Hàm Dương
Vô đoan cảnh độ Tang Càn thủy
Khước vọng Tinh Châu thủy cố hương

Giả Đảo đến cư trú sinh nhai ở Tinh Châu đã mười năm, ngày đêm thương nhớ quê nhà. Một hôm đi đến bên sông Tang Càn, xa Hàm Dương, xa Tinh Châu, chợt nhìn về Tinh Châu thấy nhớ Tinh Châu như nhớ chốn cố hương

Hàm Dương vậy. Người bạn tôi, anh Nguyễn Đình Cổ mang nặng tình cảm nồng nàn với quê nhà của những người xa xứ nhiều năm – những người thật giàu có với hai cố hương, Quảng Ngãi và Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Nguyễn Đình Cổ ra công kê cứu trong kho tàng văn học kinh điển, cùng văn học dân gian, biên soạn sách Thắng cảnh Quảng Ngãi, với suy nghĩ khiến tốn, với tình yêu quê hương, với tinh thần bảo tồn di sản địa phương... thật là đáng quý. Nhưng sách này giúp được nhiều gia đình nhận thức quê hương mình, nhất là lớp trẻ, con cháu chúng ta. Sách này góp phần làm cho vốn sống của ta thêm phong phú, tư duy của ta đậm đà bản sắc quê nhà, thật cần thiết trong hành trang của lớp trẻ ngày nay trên hành trình hội nhập Văn hóa toàn cầu.

Tôi mong rằng, anh Nguyễn Đình Cổ còn tiếp tục biên soạn nhiều danh thắng nữa của Quảng Ngãi, cả di sản thiên nhiên và di sản nhân tạo mà người đời sau đã liên tục phát hiện, khai thác và phát triển.

Xin trân trọng giới thiệu sách Thắng cảnh Quảng Ngãi của tác giả Nguyễn Đình Cổ, một tác phẩm dù mỏng nhưng xứng đáng có mặt trong tủ sách của mỗi gia đình.

Sài Gòn, đầu mùa mưa 2008

Lê Sơn Phương Ngọc

LỜI NÓI ĐẦU

Hơn mười năm trước tôi đã có lần giới thiệu sơ lược trên báo chí, và thỉnh thoảng giao lưu trao đổi về các thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Quảng Ngãi mà cổ nhân đã để danh ngâm vịnh.

Các bạn đồng hương đang ở Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi khi gặp mặt nhớ quê nhà, lại gợi ý tôi góp lại thành tập, với chủ đề quê hương, chứ để thời gian trôi qua năm tháng e rằng bị nhạt nhòa và thất lạc. Tôi cứ mãi đắn đo có nên thực hiện hay không! Bởi tự xét sự giới thiệu đã qua cũng chỉ là nghiệp dư, chẳng có gì đặc sắc, và có lẽ sách báo, đặc san cũng dễ cập đến nhiều.

Thế rồi thời gian cứ lần lữa trôi qua, cho đến tết Mậu Tý (2008) vừa qua, tôi có dịp về thăm Quảng Ngãi sau nhiều năm xa cách. Điều khiến tôi ngạc nhiên, Quảng Ngãi bây giờ không ngừng vươn lên, sức đô thị hóa và sự phát triển quá nhanh, tuy nhiên các danh thắng xa xưa vẫn còn vóc dáng khêu gợi, không vì sự thay da đổi thịt mà nhạt nhòa.

Tôi đưa các con và các cháu nội ngoại đi tham quan, viếng cảnh chùa chiền, nhìn lại những hình ảnh thân thương của một thời dĩ vãng, bỗng dưng bừng dậy hồn quê. Cho

hay sông núi nên thơ, tác động cho tôi liên cảm tới câu thơ của Đỗ Phủ: Văn phi sơn thủy vô kỳ khí, có nghĩa: “Văn chẳng non sông ý chẳng hay” và các con tôi đã khuyến khích tôi tập hợp tư liệu và cho ra đời tập sách nhỏ này.

Với tình yêu quê hương, với tinh thần bảo tồn di sản địa phương có nhiều vốn quý, nay tôi điều chỉnh, bổ sung, vừa hữu ích cho bạn đồng hương hình dung rõ nét đích thực về thắng cảnh Quảng Ngãi, vừa cho con cháu hôm nay và mai sau không quên nguồn cội.

Nội dung tập sách nhỏ này chỉ gói ghém trong khuôn khổ 12 thắng cảnh của tỉnh Quảng Ngãi, dưới tiêu đề: Danh thắng xứ Quảng . Còn nhiều cảnh đẹp và di tích khác, được phát hiện trong vòng hai thập kỷ qua, sẽ nói đến vào những tập kế tiếp.

Trong phần nội dung chính, tôi xin ghép vài dòng thơ kỷ niệm. Và trong phần trình bày tôi có trích dẫn vài dòng thơ và hình ảnh của nhiều tác giả để minh họa, mong quý độc giả cảm thông lượng thứ.

TP.Hồ Chí Minh, vào hạ 2008
NGUYỄN ĐÌNH CỔ

MƯỜI HAI DANH THẮNG

Cử lang mỏng vỏ đỏ da

Ai về Quảng Ngãi quê ta thì về

(ca dao)

Quảng Ngãi là một tỉnh ở giữa miền Trung, trải qua bao đời đổi thay vẫn giữ nguyên vị thế trên bản đồ nước Việt. Quảng Ngãi không cổ kính trầm mặc như cố đô Huế, không mộng mơ như Đà Lạt ngàn hoa, nhưng Quảng Ngãi có những vẻ đẹp làm lưu luyến lòng người, bởi cảnh sắc hữu tình của mười hai thắng cảnh mà thiên nhiên đã ban tặng, những hình ảnh tiêu biểu cho quê hương núi Ấn Sông Trà.

Quảng Ngãi còn được mệnh danh là đất Cẩm Thành, cái thành gắn biểu trưng cho địa phương. Chính tên Quảng Ngãi là Quảng Nghĩa, tên này được gọi từ thời cát cứ Phương Nam, khi Đoàn Quận Công Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Quảng (1558 – 1613). Sơ khai là phủ Quảng Nghĩa, trực thuộc Quảng Nam, thừa tuyên. Thời Tây Sơn (1788-1801) đổi là phủ Hòa Nghĩa. Gia

Long lên ngôi (1802) đổi là dinh, rồi trấn Quảng Nghĩa. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832) đổi thành tỉnh Quảng Ngãi. Nhưng có lý giải rằng thời phong kiến việc trùng hợp húy danh của các bậc vua chúa là điều cấm kỵ, nên Quảng Nghĩa phải đọc trại ra là Quảng Ngãi. Vì chữ "Nghĩa" phạm vào tên húy của chúa Nguyễn Phúc Trấn (1687-1691) mà các triều nhà Nguyễn tôn phong là Anh Tông Hiếu Nghĩa hoàng đế.

Quá trình hình thành tỉnh Quảng Ngãi trước thời cát cứ thì lịch sử cho biết Quảng Ngãi xưa là đất Việt Thường thị, dưới sự thống thuộc qua các triều đại phong kiến Trung Quốc, đến Chiêm Thành, được Hồ Quý Ly (1400-1407) thu phục, nhập vào lộ Thăng Hoa. Rồi nước ta bị nhà Minh cai trị, Chiêm Thành nhân cơ hội tái chiếm Cổ Lũy động, vua Lê Thánh Tông mở cuộc chinh Nam (1471) lấy lại và duy trì cho đến ngày nay. Sau 1975, nhà nước sát nhập Quảng Ngãi vào tỉnh Bình Định. Năm 1989 lại tách ra trở về với tên Quảng Ngãi như cũ.

Quảng Ngãi nằm trên trục lộ xuyên Việt, đường sắt thống nhất Bắc-Nam và quốc lộ 1A song hành. Hai đầu Bắc-Nam giáp hai tỉnh Quảng Nam và Bình Định. Trên có dãy Trường Sơn che bóng, dưới có biển cả mênh mông, gió muôn phương hòa về tạo nên khí thiêng nhân ái, Quảng Ngãi hiện có 1 thành phố, 6 huyện đồng bằng, 6 huyện miền núi và 1 huyện hải đảo.

Thoát thai từ nền văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa Chăm-pa, đến văn hóa Đại Việt, Quảng Ngãi là nơi hội nhập và phát triển, nơi hội tụ các dân tộc anh em cùng sinh sống lâu đời. Có nhiều tài nguyên phong phú, nhiều thổ sản đặc biệt, khách vãng lai trong ngoài tỉnh, ngoài nước đã đến. Sức đầu tư, phát triển với nhiều dự án công trình triển vọng tương lai, nổi bật hiện nay là cảng Dung Quất, nhà máy lọc dầu số 1...

Quảng Ngãi tuy hẹp đất nhưng không hẹp lòng, tuy đơn giản mộc mạc nhưng ẩn tàng một ý chí kiên cường. Núi non chiếm hết 2/3 diện tích đất đai nhưng đủ tạo nên nhiều cảnh trí nên thơ làm lưu luyến lòng người. Tao nhân mặc khách vô tư ngâm vịnh, khách du ngoạn tha hồ thưởng thức. Nguồn thi hứng dồi dào trước giang sơn hùng vĩ, phong cảnh hữu tình, đã là kho tàng văn chương vô giá.

Thoạt tiên Quảng Ngãi có 10 thắng cảnh đẹp mắt, được Tân Ninh Hầu Nguyễn Cư Trinh khi làm Tuần Vũ Quảng Ngãi (1750-1755) cảm nhận đề danh “Quảng Ngãi thập cảnh”, chẳng khác nào “Hà Tiên thập cảnh” được Mạc Thiên Tích đề danh:

1. THIÊN ÁN NIÊM HÀ (Đầu trời đóng bên sông)
2. THIÊN BÚT PHÊ VÂN (Bút trời vẽ mây)
3. LONG ĐÀU HÝ THỦY (Đầu rồng giỡn nước)
4. CỔ LŨY CÔ THÔN (Cô thôn Cổ Lũy)
5. THẠCH BÍCH TÀ DƯƠNG (Thạch Bích buổi

chiều tà)

6. HÀ NHAİ VÃN ĐỒ (Hà Nhai bến dờ về chiều)

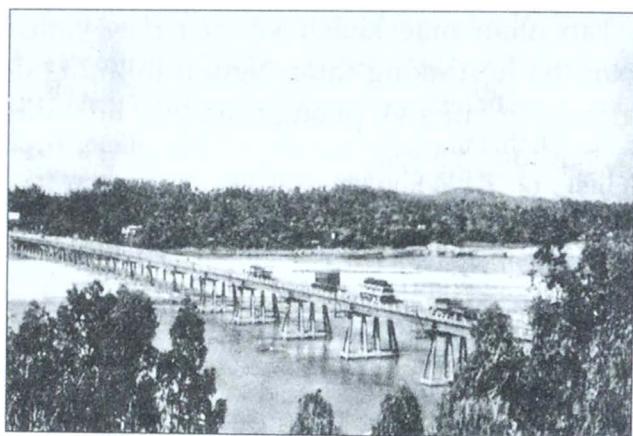
7. AN HÃI SA BÀN (sa bàn An Hải)

8. LIÊN TRÌ DỤC NGUYỆT (Ao sen dưới trăng)

9. LA HÀ THẠCH TRẬN (trận đá La Hà)

10. VÃN PHONG TÚC VŨ (mưa đêm Núi Vãn)

Chắc có lẽ do lòng tự hào đã từng cho Quảng Ngãi là đất tiếp cận kinh đô, Thừa Thiên Huế có 12 thắng cảnh, thì Quảng Ngãi cũng cân bằng mà người xưa đã phát hiện thêm hai thắng cảnh nữa, gọi chung là “Quảng Ngãi thập nhị cảnh”



Sông Trà Khúc và cầu Trà Khúc 1

(Ảnh chụp bên hữu ngạn nhìn qua bờ tả ngạn)

11. THẠCH KỲ ĐIẾU TẮU (ống diều Lão câu)

12. VU SƠN LỘC TRƯỜNG (Trường nai núi Vu)

Tất cả các thắng cảnh ở rải rác khắp nơi trong tỉnh Thành phố Quảng Ngãi có 1 cảnh. Huyện Tư Nghĩa có 2 cảnh, huyện Sơn Tịnh có 5 cảnh, huyện Bình Sơn có 2 cảnh, huyện Đức Phổ có 1 cảnh, huyện Nghĩa Hành có 1 cảnh.

Tuần Vũ Võ Chuẩn (1940-1945) đã có thơ xướng mới thi nhân đáp họa:

Thành gấm non sông tuổi mấy mươi

Từ đâu thêu dệt cảnh nên mười

Đôi tòa Ấn, Bút trời riêng cỡi

Một dải Long, Sa đất mấy người

Bóng gát, Đò chiều, Hòn đá vững

Mưa đêm, Thôn quanh, đóa sen tươi

Khen ai khéo vẽ thêm hai cảnh

Cụ Nguyễn tôn mình cũng ngắm cười

Các thắng cảnh nói trên đã in sâu vào tiềm thức của người dân xứ Quảng, ngoài 12 thắng cảnh kể trên về sau này ngày càng phát hiện thêm nhiều cảnh đẹp không kém phần hấp dẫn, và nhiều di tích lịch sử đáng trân trọng, như Mỹ Khê, Sa Huỳnh, mũi Ba Làng An, chùa ông Thu Xà, Hòn ông Quảng Phú, Điện Trường Bà Trà Bồng, núi Thịnh Thịnh, Chùa Diệu Giác, Đình Lý Hải Lý Sơn, Chùa Hang Long Phụng, Suối Mơ, Thác Trắng...

Quảng Ngãi có bốn con sông lớn là Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Câu tưới nhuần cho màu xanh ruộng đồng, thôn trang, làng mạc. Cấu trúc thành 5 cửa

THƯ VIỆN : QUẢNG NGÃI

ĐỊA CHỈ

THƯ VIỆN : QUẢNG NGÃI

ĐỊA CHỈ

Nguyễn Đình Cồ 17

khẩu là Sa Cần, Sa Kỳ, Cổ Lũy, Mỹ Á, Sa Huỳnh, tạo cho bờ biển Quảng Ngãi thành những cảnh thừa lương thơ mộng, cho tàu thuyền ra vào tấp nập, tăng sự nhộn nhịp đã đang và mãi mãi thăng hoa.

Ngày nay có nhiều thắng cảnh trên đây đã bị biến dạng vì chiến tranh và khai phá, nhưng đa số vẫn còn phô diễn nét đẹp độc đáo của những công trình mà tạo hóa đã ban tặng cho người dân Quảng Ngãi tuy nghèo nhưng hiếu khách.

Những danh lam thắng cảnh của từng địa phương, qua bao nhiêu thăng trầm lịch sử đã lưu giữ trong đó những kết tinh văn hóa của địa phương đó và mặc nhiên đã trở thành vốn quý của cả dân tộc. Tuy nhiên chẳng cảnh vật nào có thể tồn tại mãi với thời gian, nếu con người không chăm nom, giữ gìn đó.



Bến dò Trà Khúc khi xưa, trở thành bến phà Trà Khúc sau Hiệp định Genève 1954. Ảnh chụp 1954 từ bờ hữu ngạn nhìn sang là tả ngạn, quán cơm, Long Đầu Hý Thủy (Ảnh của T.X)

QUẢNG NGÃI QUÊ TÔI

Tôi yêu Quảng Ngãi quê tôi quá
Nên cứ đêm đêm thường nằm mơ
Mơ về thăm lại mười hai cảnh
Và tôi đem chép lại thành thơ.

Là thơ chẳng diễn hết cái hay
Cái đẹp thiên nhiên đã phơi bày
Lên đỉnh núi tròn Thiên Bút tháp
Nhìn qua Thạch Trận ngựa đá bay

Là thơ chẳng tả hết đó anh
Cái đẹp thiên nhiên của Quảng thành
Khách hãy đến chơi rồi sẽ thấy
Không men mà khách vẫn thấy say

Lòng say vì cảnh đẹp người xinh
Cảnh sắc thiên nhiên quá hữu tình
Quảng Ngãi quê tôi là thế đó
Nước biếc non xanh thật thanh bình.

THẮNG CẢNH QUÊ TÔI

Quê tôi ở là miền Trung Quảng Ngãi
Có mười hai thắng cảnh đẹp quê hương
Quê tôi đó từng địa danh thắng tích
Đến một lần khách sẽ mến thương

Đây sông Trà với LONG ĐẦU HÝ THỦY
Thắng cảnh xưa rồng giỡn nước vờn tiên
Quân cướp nước muốn cắt đi long mạch
Chặt đầu rồng: tên thủ phạm Cao Biền

Đây THIÊN AN NIÊM HÀ bên bến nước
Con dấu trời đóng xuống dòng sông xanh
Đứng xa thấy núi vờn trên mặt nước
Gợi thi nhân lúc chiều xuống trăng thanh

Đây THIÊN BÚT PHÊ VÂN lồng lộng bóng
Tháp núi tròn đầu nhọn vút mây cao
Tựa cây bút đề thơ trên trời thẳm
Trèo lên chơi sợ dựng đến trăng sao

Đây địa danh dãy LA HÀ THẠCH TRẦN
Đoàn kỵ binh bằng tượng đá uy nghiêm
Dàn trận mãi đứng theo hình chiến pháp
Từ ngàn xưa và nay vẫn lặng im

Đây CỔ LŨY CÔ THÔN lồng lộng gió
Nước quanh thôn tựa chiến lũy ngàn xưa
Làng ven biển tiễn sông Trà ra bể
Năm thi gan cùng sương nắng gió mưa

Đây THẠCH BÍCH TÀ DƯƠNG sao đẹp quá
Mặt trời chiều rọi xuống vách đá nghiêng
Phản chiếu lại với ngàn tia lấp lánh
Như trông vào tấm ngọc quý non tiên

Còn đây nữa là HÀ NHAI VẤN ĐỘ
Bến dò xưa từng đưa khách sang sông
Cả cô gái cùng chiếc dò hóa đá
Ngàn năm rồi vẫn đứng đó chờ mong

Đây AN HẢI SA BÀN bên cửa biển
Bãi cát vuông mịn trắng tựa bàn thiêng
Ngày xưa ấy nơi Long vương mở hội
Đãi dân làng hiến đức với thần tiên.

Và đẹp lắm cảnh LIÊN TRÌ DỤC NGUYỆT
Ao sen đầy hoa vươn cánh chờ trăng
Vách núi dựng phản lên vòng nguyệt quế
Chiếu vào ao thành trăm ảnh chị Hằng

Đây cảnh sắc của VÂN PHONG TÚC VÕ
Núi gọi mưa nên cả núi mù sa
Mỗi chiều xuống hoặc trăng lên phản chiếu
Thành trái cầu ngũ sắc của quê ta

Đây VU SƠN LỘC TRƯỜNG xưa còn đó
Thần nữ vương cùng người thế se duyên
Đàn nai đó còn quỳ bên thạch động
Gái chưa chồng thường đến nguyện tình riêng.

Và lạ lắm là THẠCH KY ĐIẾU TẦU
Tượng đá già đứng hút thuốc bên đường
Bao đời trước nay vẫn còn đứng đó
Trăng lặn rồi mà vẫn cứ nhìn theo

Đó, những cảnh quê tôi xinh đẹp lắm
Dù tha hương vẫn mãi nhớ quê nhà
Những nỗi nhớ không bao giờ phai nhạt
Quyện trong tình non nước Việt Nam ta.

THIÊN ẮN NIÊM HÀ

Trong 12 thắng cảnh của tỉnh Quảng Ngãi, thì Thiên Ấn niêm hà là đệ nhất thắng cảnh. Thắng cảnh này là một quả núi cao 105m, nằm giữa đồng bằng huyện Sơn Tịnh, nối liền thị trấn Sơn Tịnh và xã Tịnh An về hướng đông, cách trung tâm Quảng Ngãi hơn 3km về hướng Bắc.

Từ bến dò Trà Khúc năm xưa, qua khỏi cầu Trà Khúc 1 bây giờ, có thể nghỉ chân ngắm cảnh Long Đầu hỷ thủy, rồi theo quốc lộ 24B Trà Khúc – Sa Kỳ 2km, bên tay phải có con đường trải nhựa, xoáy tròn tròn ốc lên đến tận đỉnh bằng phẳng hơn 10 mẫu. Chân núi rộng, chu vi khoảng 5km, như khối hình thang, chiếm mặt đất khoảng 50 mẫu, đứng về phía nào cũng nhìn thấy núi có một hình thể như nhau, tựa như con dấu của trời đóng xuống nên gọi là Thiên Ấn. Sát chân núi hướng Nam, sông Trà Khúc chảy ngang qua khỏi chân núi hướng Đông, rẽ làm hai nhánh, một nhánh chảy về Mỹ Khê nay đã bồi lấp, một nhánh chảy về cửa Đại Cổ Lũy, tại ngã rẽ này gọi là Tam Thương. Từ xa trông núi Thiên Ấn như thể một con dấu trời đóng giữa dòng sông, nên gọi là niêm hà, gọi chung là Thiên Ấn niêm

hà. Thiên Ấn còn gọi là núi Hó, xưa kia núi mọc toàn tranh chen lẫn với đá cây đủ loại, còn mặt đỉnh toàn là danh mộc sầm uất, có cộp ở. Dân làng trong vùng thường khai thác tranh dùng lợp nhà từ lưng chừng núi trở xuống, không mấy ai dám bén mảng lên đỉnh, cho trên đó là cuộc đất thiêng, chỉ có thần linh với bao điều tưởng tượng.

Thiên Ấn còn gọi là Thổ Sơn (núi đất) hay Thổ châu (đất đỏ), nho sĩ ngày xưa đến đây lấy đá non về mài mực, viết vẽ, phê sách, vở rất tốt. Có vế đối nôm na:

“Sơn núi Ấn, mài hòn son Ấn, Ấn tốt son tươi

Nước sông Trà, pha nấu nước trà, trà thơm nước đậm”

Chân núi phía đông Thiên Ấn có cái gò cao giống cái hộp đựng con dấu, gọi là hòn Triện. Nếu có dấu, có son, có Triện, đủ cả hình thức thiên nhiên đặc vị. Cũng phía đông tiếp núi Tam Thai, hay núi tai voi, thuyền tàu ngoài biển nhìn vào thấy rất rõ. Phía tây Thiên Ấn giáp núi Long Đầu, phía Bắc giáp núi La Vọng. Núi Thiên Ấn đứng Tổ sơn cho các núi miền trung châu, người Quảng Ngãi tự hào là quê hương núi Ấn sông Trà.

Đứng trên Thiên Ấn không những nhìn cảnh đẹp sông Trà, mà bao quát cả một quần thể xung quanh, cả một không gian gần khắp tỉnh Quảng Ngãi, tương phản giữa núi cao biển thẳm, giữa thành phố và thôn trang, cát vàng sóng bạc, vô cùng lý tưởng đối với ngành du lịch và khách thập phương hành hương, tham quan, lễ bái.

Tuần Vũ Nguyễn Cư Trinh đã có thơ đề vịnh Thiên Ấn niêm hà:

*Phong cảnh nơi đây thật rất xinh
Niêm hà có Ấn của trời sinh
Xem kìa dấu tích còn vương vức
Nhìn lại non sông rõ dạng hình
Cách thức như in đồ cổ tự
Cỏ cây nào phụ tiếng chung linh
Châu Sa để dưới chân chờ mãi
Trấn chỉ sau lưng phía Cẩm Thành*

Năm Minh Mạng thứ 11 (1830) núi Thiên Ấn được chạm hình vào di đỉnh tại kinh đô Huế. Năm Tự Đức thứ 3 (1850) núi Thiên Ấn được liệt vào hạng danh sơn, ghi vào tự điển. Trên núi có chùa Thiên Ấn và mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng. Năm 1990, núi Thiên Ấn và mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng được Bộ Thông Tin Văn Hóa công nhận là di tích Văn hóa – Lịch sử cấp quốc gia.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng nguyên là một nhà nho yêu nước, một nhà chiến sĩ cách mạng, đấu tranh cho quyền tự do dân chủ. Cụ bị thực dân Pháp bắt đày Côn Đảo trong phong trào Khất thuế tại hai tỉnh Quảng Nam-Quảng Ngãi (1908). Trả tự do, cụ được bầu làm Viện trưởng nhân dân Đại biểu Trung kỳ. Cụ từ chức, ra báo Tiếng Dân, lập ngọn đàn đấu tranh chống áp bức, báo bị đóng cửa. Tháng 8.1945. cụ giữ chức Bộ

trưởng Nội vụ Chính phủ Lâm Thời VNDCCH, quyền chủ tịch nước, Đại diện chính phủ tại miền Trung, chết tại Quảng Ngãi ngày 21.05.1947, an táng trên đỉnh núi Thiên Ấn, góc Tây-Nam chùa Thiên Ấn, ngàn thu nương theo bóng Phật.

Chùa Thiên Ấn có danh là “Sắc tứ tổ đình Thiên Ấn” do Hòa Thượng Pháp Hóa, húy danh Minh Hải, pháp tự Phật Bảo, tục danh Lê Duyệt, khai sơn vào thời Lê Hy Tông (1675-1704). Từ một thảo am thô sơ đến tre tranh, cây gỗ, với pho tượng Phật nhỏ, vài quyển kinh Bát Nhã mang theo. Ngài là một thiền sư Trung Quốc, sang Việt Nam, truyền thừa Lâm Tế chánh tông, có nguồn gốc từ Nghĩa Huyền hòa thượng (1867). Ngài đến Quảng Ngãi chọn núi Thiên Ấn tu hành khổ hạnh nhiều năm mới được dân làng phát hiện.

Thời vua Lê Dụ Tông, niên hiệu Vĩnh Thạnh thứ 1 (1705), Ngài phát đại nguyện tự mình đào giếng trên núi cao. Vì phải dùng nước trời, nước khe, nước hố, thậm chí đến nước sông, thật là gian nan trở ngại. Phần núi toàn đá ong, phần thiếu mọi phương tiện nhưng quyết tâm của Ngài suốt 20 năm, giếng có độ sâu 21m mới thấy nước, mạch ngầm rất trong, uống không sợ ngã nước.

Có giai thoại nói rằng trong thời gian đào giếng, có một nhà sư vô danh, không rõ xuất xứ, đến năn nỉ Ngài xin cho góp công đào giếng. Đến khi có nước thì nhà sư ấy bỗng nhiên biệt dạng. Lòng tin của dân gian suy tưởng nhà sư là Long thần Hộ Pháp được Phật sai

đến trợ lực công quả, nên cho giếng là giếng Phật, và có câu ca dao truyền khẩu:

"Ông thầy đào giếng trên non

Đến khi có nước không còn tắm hơi"

Tiếng đồn lan xa và đức độ của Ngài Pháp Hóa cảm được lòng người mộ đạo, Ngài múc chai nước đầu tiên từ giếng Phật chùa Thiên Ấn, gửi ra Thăng Long, dâng lên vua Lê, tỏ lòng trọng ân Quốc vương thủy thổ. Sau đó được triều đình, niên hiệu Bảo Thái thứ 8 (1727) sắc phong "Thiên Ấn Tự"

Một giai thoại nữa nói về quả Đại hồng chung kỳ dị, được gọi là chuông thần, xảy ra vào đời Tổ Thứ Ba, hòa thượng Bảo Ấn, có đại nguyện đúc chuông cho chùa nhưng chưa đủ điều kiện. Một hôm ngài tham thiền, có vị Hộ Pháp hiện ra và cho biết ở làng Chú Tượng, huyện Mộ Đức, vừa đúc xong quả Hồng chung lớn, hòa thượng mau cho người vào thỉnh. Sáng hôm sau, Ngài bảo thầy Điền Tọa đến nơi tỏ bày ý định, nhưng khi đến nơi thì hương chức trong làng lắc đầu từ chối, vì chuông đúc đánh không kêu, đang dự tính đúc lại cho làng dùng.

Thầy Điền Tọa về thưa tự sự, nhưng tối đến cũng trong giờ thiền tịnh, vị Hộ Pháp hôm trước hiện ra nói Hồng chung làng Chú Tượng đúc cốt để cho chùa Thiên Ấn mà thôi, cứ vào thỉnh dùng trì hoán. Buộc lòng thầy Điền Tọa đến đó lần nữa theo quyết tâm của hòa thượng

Bảo Ấn, xin thỉnh cho bằng được. Ban đầu các vị hương chức còn ái ngại, nhưng rõ tâm nguyện của nhà chùa, bất đắc dĩ cho chùa thỉnh, với điều kiện chuông sao chịu vậy không trả lại.

Trong lúc thầy Diên Tọa đi thỉnh chuông, ở chùa, Hòa Thượng Bảo Ấn cho làm ngay một cái giá chuông bằng gỗ quý, đặt trước Chánh điện, khi chuông đem về đặt lên giá, Hòa Thượng kính cẩn làm lễ tạ Phật, khai chung. Chẳng ngờ chuông kêu cạch... cạch... trước đó thì bây giờ hòa thượng vừa động chuông, tiếng chuông ngân vang, rung động cả chốn thiền môn.

Ngày nay lên chùa Thiên Ấn, uống nước giếng Phật mà lòng sáng khoái, nghe chuông thần mà hồn thanh thoát hư vô. Và nghe nhắc đến nhiều giai thoại thú vị, tưởng chừng như huyền hoặc, nhưng đầy linh cảm trong các đời Tổ.

Lịch sử Sắc tứ Tổ đình Thiên Ấn ghi nhận Tổ thứ nhất khai sơn Hòa Thượng Pháp Hóa, Tổ thứ hai Hòa thượng Khánh Vân, Tổ thứ ba Hòa thượng Bảo Ấn, Tổ thứ tư Hòa thượng Giác Tánh, Tổ thứ năm Hòa Thượng Hoằng Phúc, Tổ thứ sáu Hòa thượng Diệu Quang, Tổ thứ bảy Hòa thượng Huyền Đạt. Các ngài là những bậc công quả tu hành, triển khai dòng kệ Lâm Tế, mở rộng tăng nhơn, Phật tử khắp nơi trong ngoài tỉnh, ngoài nước.

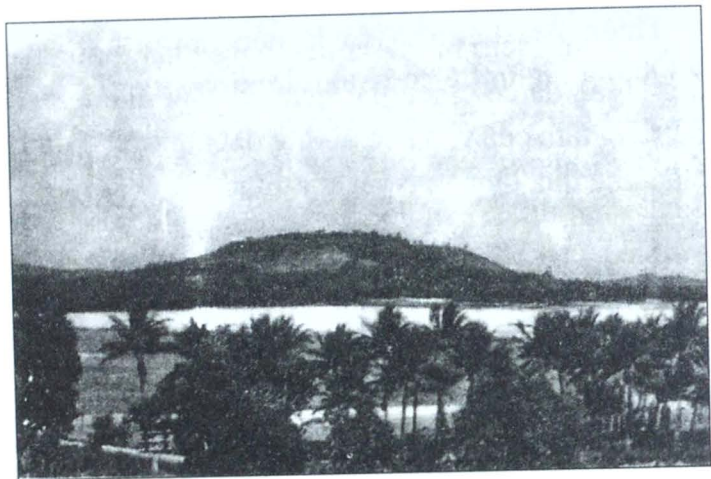
Đến với Thiên Ấn niềm hà, đặc biệt đến với cảnh già lam thắng địa. Đây là ngôi Tổ đình cổ kính nguy nga, trùng tu năm 1961 và luôn tu bổ không ngừng cho

đến nay. Cổng tam quan xây dựng năm 1915 đã được trùng tu năm 1990. Vào tam quan, sân ngoài rộng, qua hai cổng tả hữu đến sân tiền, lầu chuông, lầu trống, tháp xá lợi, dâng hương ngôi tam bảo, ra sân hậu viếng nhà Tổ, bái niệm tượng đài Quan Thế Âm, Di Lặc, đàm đạo nơi nhà phương trượng, dùng trà nơi nhà Đông, nhà Tây. Bên tay phải Tổ đình là vườn Lâm Tỳ Ni, bên tay trái là khu viên mộ. Ngoài các tháp Tổ và sư tăng trụ trì, xây cao nhiều tầng, bằng tam hợp chất và tượng hình hoa sen là Tháp Tổ Hòa thượng khai sơn Pháp Hóa. Một công trình tuyệt tác, 9 tầng, cao 42m, dựng minh bia kỷ niệm, hoàn chỉnh năm 2005. Toàn khuôn viên chùa chỗ nào cũng có thể nghỉ mát dưới các tàng cây lâu năm như đa, sao, dầu, xà cừ, dương liễu...

Thiền Ấn niệm hà đã là nền tảng Phật giáo của tỉnh Quảng Ngãi, đã có chiều dài lịch sử. Một địa danh thắng cảnh, trung tâm của vựa nẻo đường đất nước, cho du khách mỗi lần ghé qua Quảng Ngãi trữ tình.



Đại Hồng Chung kỳ dị, vào đời Tổ thứ 3, Hòa thượng Bảo Ấn, nhằm năm Duy Tân thứ 9 (1915)
(Ảnh của T.X)



THIÊN ẮN NIÊM HÀ
Đệ nhất thắng cảnh của tỉnh Quảng Ngãi

THIÊN BÚT PHÊ VÂN

Theo quốc lộ 1A từ Bắc vào Nam, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi chưa tới 2km, bên trái quốc lộ có ngọn núi nhô cao lên giữa lòng thành phố, có nhà cửa, phố thị, cơ quan, đường sá, chùa chiền, cây kiểng đan xen che khuất.

Nguyên thủy núi đứng giữa cánh đồng Ngọc Ấn, một cánh đồng trước kia được xếp hàng thưng đàng điền, thuộc làng Cù Mông, đổi Chánh Mông, rồi Chánh Lộ, Nghĩa Lộ, huyện Chương Nghĩa, nay là huyện Tư Nghĩa, phía trên giáp làng Phú Mỹ Hạ, phía dưới giáp làng Gò Hồng, phía ngoài giáp tỉnh lỵ, phía trong giáp Quán Đàng. Nhưng nay thuộc xã Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi.

Núi có phần nhỏ, thấp, nhưng cây cối rậm rạp từ chân lên tới ngọn. Núi có độ cao 65m, nhưng do xói mòn và qua nhiều giai đoạn lịch sử thăng trầm, nay còn khoảng 55m. Tuy nhiên núi vẫn giữ hình chóp nón, bốn mặt bằng phẳng chính giữa cao vút, rất cân phân,

đứng về phía nào cũng thấy núi một hình thể như nhau, giống như cây bút lông của nhà kho dựng ngược giữa trời, ngày đêm mài miệt, viết vẽ trên tờ giấy mây trải rộng. Nhất là vào sáng sớm, hơi đá bốc lên, sương mù bao phủ lưng chừng núi, từ xa trông thấy núi như ngọn bút lông vung vẩy trời xanh, gợi cho thi văn nhân trào dâng nguồn thi hứng, nhìn đàn chim bay tưởng như dòng chữ đẹp, gió thổi mây trôi tưởng như tờ hoa tiên đang mở. Nhìn sao đêm tưởng như dấu chấm mỗi câu hay, và nhìn trăng lên tưởng như những nét son khuyết tròn bài văn vô tận. Cho nên người xưa đặt tên núi là “Thiên Bút phê vân”, có nghĩa bút trời vẽ mây.

Nhà thơ Diệp Trường Phát theo đó đã ngâm vịnh:

*Dựng ngược giữa trời bút một cây
Chữ là hàng nhận, gió là mây
Sao vì chấm hẩn từng câu rõ
Trăng cứ khuyết dần mấy chữ hay
Nước mực mưa chan nào có giậm
Cái ngòi gió thổi cũng không lay
Nghìn thu cao ngất hình còn tạc
Tạo hóa vì ai khéo đắp xây*

Xưa kia núi mọc đầy cây trám, cây móc, thân cao to lớn, trái tím đen, ra từng chùm, chín ngọt, người ở gần vào mùa nắng là mùa trám mót, đến hái ăn, đem về bán hay dùng nhuộm vải may mặc. Trên núi cao

lại có cây sơn, một loại cây độc hại đến tính mạng con người, nếu ai đụng phải thì có thể sưng phù khó chữa trị. Nhưng cũng nghe nói trên núi cao có cây trầm hương, tỏa hương thơm vào chiều tối, nhiều người cố đi tìm không thấy mà vô ý sẽ bị sơn ăn. Có điều suy ngẫm do các bậc cổ lão nói rằng hễ năm nào trên núi Bút tỏa trầm hương thơm ngát là năm đó Quảng Ngãi thế nào cũng có người thi cử đỗ đạt hay ra làm quan.

Lại có người thêm thắt, hương thơm trên núi Bút không phải là trầm hương mà là quế hương. Loại quế này không giống như quế rừng Trà Bồng. Ai tìm được sẽ giàu lên và ai lượm được lá quế sẽ chữa trị các bệnh thông thường và người lỡ bị sơn ăn.

Trên núi Bút thuở còn Chiêm Thành, họ đã dựng ngôi tháp thiêng như trụ mốc thay thần bờ cõi, không rõ tháp bị tàn phá vào thời nào, nay còn bệ đất, dấu vết của một phế tích. Trước 1975, Phật giáo tỉnh Quảng Ngãi có ý định lập một ngôi chùa tại chỗ này nhưng chưa thực hiện được.

Núi Thiên Bút là biểu tượng của văn phong tỉnh Quảng Ngãi, một địa danh dành cho hàng sĩ khí xuất thân. Vì vậy, núi Thiên Bút được coi như cái áng cho các đền chùa, am miếu, như chùa Thiên Ấn, Trúc Lâm, Kim Tân, An Bường... Đền Văn Thánh, đền thần núi Long Đầu... Đình An Nhơn, Phú Nhơn, Châu Sa, Chánh Lộ, Ba La, Miếu Thành Hoàng... Nhưng trái lại, Ấn - Bút

tuy cân bằng,, đứng vững mãi hai bên dòng lưu thủy, sông Trà, sông Bàu Giang mà ngôi vương quyền Thiên Ấn lại cao và to hơn Thiên Bút, cho nên người xưa cho rằng “Hòn Ấn lấn hòn Bút”, khiến người học thức uyên thâm không thể làm nên nghiệp lớn, muốn làm nên nghiệp lớn thì phải rời khỏi quê hương.

Không rõ có đúng thế không, hay văn phong Quảng Ngãi chỉ chú trọng đến tinh thần hơn là vật chất. Phó bảng Lê Văn Vịnh có câu đối:

*“Ấn sơn, Bút sơn, Ấn Bút trường lưu Chương Nghĩa địa,
Quảng Bình, Quảng Trị, Trị Bình thiên hạ Đế đô thiên”*



**Giếng Phật sắc tứ Tổ Đình Thiên Ấn
vào đời Tổ khai sơn Hòa thượng Pháp Hóa**

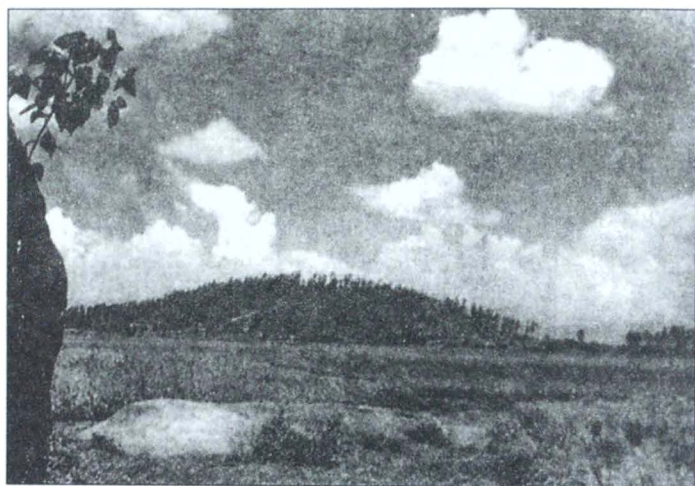
(Ảnh của T.X)

Đặc biệt cũng như Thiên An có Triện, có Sơn, thì Bút có Bút, có Nghiên, tương tự. Sát bên chân núi làm núi Thiên Bút có một đồi núi thấp, nhỏ, hình , đá tảng thiên nhiên xây nền móng, giống như hiên mực, nên gọi là hòn nghiên. Trên đỉnh đồi là chùa Qui Sơn, do cụ Thượng Đàm Nguyễn Hữu n ở ấp Bắc Môn, xã Cẩm Thành, làm đến chức g thư Bộ Lễ, về hưu khai lập. Dưới chân núi góc Nam, phía dưới sát quốc lộ là chùa Thiên Bút, là Lão là Hòa Thượng Thích Trí Hưng khai lập. Và tên quốc lộ chùa Từ Quang do Hòa thượng Thích ương khai lập.

Thời Pháp thuộc có lập khu mả Tây, chôn quân ễn chinh ở sát chân núi phía Tây núi Thiên Bút, khi hài cốt dời về chính quốc. Trước 1963, núi Bút bị khai quang vì núi nằm vào địa thế chiến ảo vệ thị xã Quảng Ngãi. Sau năm 1975, núi Thiên ược trồng toàn cây bạch đà giữ cho núi khỏi bị tr ược mặt núi sát quốc lộ được thiết lập khu Nghĩa iệt sĩ, dời các hài cốt chiến sĩ cách mạng trong hai háng chiến về đây an nghỉ. Cùng lúc với sự xâm ần hồi xung quanh chân núi, làm cho núi ngày hu nhỏ, thiếu sự chăm sóc và chưa có dự án khả o cho sự tái tạo, bảo tồn thắng cảnh. Cụ Nguyễn Long đã có lời than:

*Âm thịnh bế văn phong Quảng Ngãi
Dương suy trầm sĩ khí Bút sơn"*

Thời gian trôi qua, Thiên Bút phê vân hôm nay là mộng hay thực tùy cảm hoài của mỗi người. Nhưng căn bản vẫn còn có thể đưa hồn lên đỉnh núi, nhìn thấy biển Đông, thấy trận đá La Hà, thấy cảnh chiều tà trên Thạch Bích và cả thành phố Quảng Ngãi vươn mình trong nhịp sống mới. Năm 1993 UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có quyết định xếp hạng núi Thiên Bút vào di tích Văn hóa – Lịch sử cấp tỉnh.



THIÊN BÚT PHÊ VÂN
Thắng cảnh của tỉnh Quảng Ngãi

LONG ĐẦU HÝ THỦY

Thắng cảnh này nằm ngay bên kia cầu Trà Khúc 1, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi hơn 1 km về hướng Bắc, giao điểm quốc lộ 1A – Trà Khúc và Quốc Lộ 24B Trà Khúc – Sa Kỳ. Nguyên thuộc làng Phú Nhơn, nay là thôn Liên Hiệp 2, Thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh, xưa kia tục gọi là ngã ba Quán Cơm. Vì người ra kẻ vào thường đến đây nghỉ mát dưới các bóng cây đã rêu rong, mọc lên nhiều lều quán bên đường, đón khách ăn cơm, uống bát nước chè xanh tươi ngon, trước khi xuống đò qua sông Trà Khúc, hay muốn lên Thiên Ấn, hoặc đi Mỹ Khê, Sa Kỳ, ra Cù Lao Ré (hải đảo Lý Sơn)

Thật ra thắng cảnh này là một dãy núi đất, thấp, chắn núi soài rộng, hình dáng khuất trúc, nhô lên sụn xuống, chẳng khác nào con rồng uốn mình như lượn sóng. Đuôi rồng kể từ núi Tham Hội, gọi là núi Phụng Hoàng, thuộc huyện Sơn Tịnh chạy dài về hướng Tây – Nam hơn 10 km. Tới sông Trà Khúc, chồm lên như muốn vươn mình bay qua sông, tạc cảnh đầu rồng há to

hút lất nước sông Trà, tạo thành vùng nước xoáy, làm cho sông Trà dậy sóng, thích vào các mồm đá bên bờ, tạo nên tiếng âm vang sống động, tưởng như thần long giỡn nước, nên gọi là Long Đầu hý thủy (đầu rồng giỡn nước)

Khúc sông này có lưu lượng mạnh, bình quân $163,4\text{m}^3/\text{s}$, cao nhất là $9468\text{m}^3/\text{s}$, thấp nhất $25,9\text{m}^3/\text{s}$, từng giúp cho việc biến thủy năng thành động lực đẩy các bờ xe nước dẫn thủy nhập điền dọc theo bờ tả ngạn. Năm Tự Đức thứ 3 (1850) sông Trà Khúc được liệt vào hạng đại xuyên.

Xưa kia cạnh sườn núi Long Đầu có ba đường hang, sâu như giếng nước thông ra miệng rồng, nay đã khóa lấp từ bao giờ. Khi chưa có cầu Trà Khúc, đứng bên hữu ngạn nhìn con đường làng Tàu Tượng ra bến dò Trà Khúc, tưởng như người sang sông đang trôi vào miệng rồng, nhưng gần đến bờ tả ngạn thì dò quẹo sang tay phải cho người bước lên con dốc ngược tới đầu rồng.

Sau ngày làm cầu Trà Khúc, đường thiên lý đi ngang đầu rồng, chẻ núi Long Đầu ra hai cụm. Phía trên là ngọn đồi, có miếu thờ Phi Vận tướng quân, nay là dinh Bà và am thờ thần bốn xứ. Phía dưới là ngọn đồi cao, có chùa Long Sơn, nay trên đồi chùa có dựng thêm ba tượng đài Thích Ca, Quan Âm, Địa Tạng, mỗi tượng cao 9m, nhìn qua thành phố Quảng Ngãi. Sát dưới bờ sông có miếu cô hồn, nay là cây đa phủ bóng trước

khách sạn Mỹ Trà.

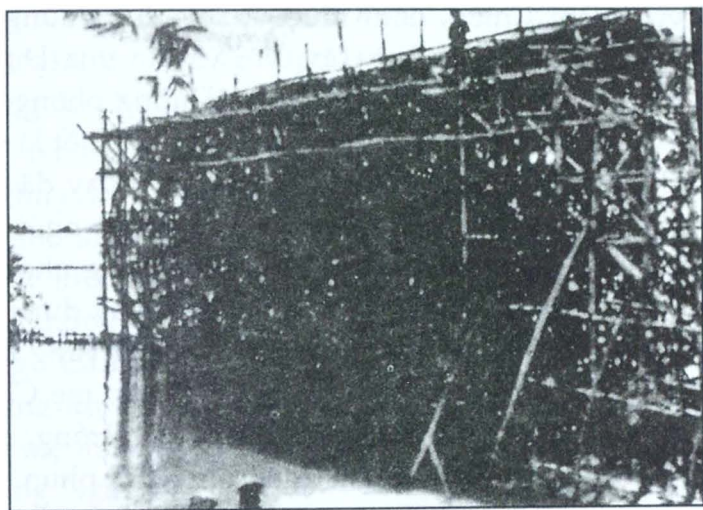
Cả vùng Long Đầu xuống đến Thiên Ấn, Châu Sa đều là thổ châu (đất đỏ), vào mùa mưa lũ, nước chảy xói xuống sông Trà làm đục cả khúc sông. Nước từ ba đường hang theo miệng rồng chảy ra đỏ ối cả dòng sông, có người liên tưởng đến máu rồng đã đổ do Cao Biền thuở xưa đến đây yểm long mạch và trăm đầu rồng, triệt đất phát vương. Câu chuyện này có rất nhiều trong truyền thuyết kể lại, nhưng có hai truyền thuyết đáng kể:

Thứ nhất là câu chuyện đứa bé tên là Chiếu, không rõ cha mẹ, được dân làng Sung Tích nuôi cho chăn trâu các nhà giàu, lũ trẻ trong làng mến mộ tôn là Quan Chiếu. Khi thả trâu trên núi Long Đầu, nó phát hiện trong miệng hàm rồng có con thuồng luồng, thường ngày Chiếu xuống sông tắm, đùa giỡn với nhau như đôi bạn thân. Một hôm Cao Biền từ bên Tàu, cỡi điều giấy đến, một loại phép thuật của phép Lỗ Ban, bay ngang qua thấy đứa bé đang cỡi trên lưng con thuồng luồng, tung tóe nước, mặt sông bỗng đứng động sóng, nổi lên âm thanh kỳ lạ. Bèn đáp xuống nhìn kỹ rất đỗi ngạc nhiên, đứa bé này có chân mệnh đế vương, con thuồng luồng này tuy còn non nhưng sẽ hóa rồng. Vậy ở đây là địa cuộc phát vương, đứa bé lớn lên sẽ làm vua khi rồng ra khỏi núi. Cao Biền lập tức dùng hai thanh tre mỏng, thổi bùa làm phép rồi đưa cho Chiếu, phỉnh dụ Chiếu

dem cột hai bên cổ thường luồng, bơi theo dòng, sóng nước làm cho thường luồng nhào lên mạnh hơn, thỏa thích hơn. Chiếu non dạ khoái chỉ làm theo lời, bất ngờ hai thanh tre quay ngược lại, một thanh đâm vào họng rồng, một thanh đâm vào bụng Chiếu. Chiếu chết tại chỗ, thường luồng quá đau đớn chui vào miệng núi biệt dạng. Máu Chiếu và máu thường luồng nhuộm đỏ cả dòng sông, thấm vào lòng đất hóa ra đất đỏ. Xác Chiếu trôi về làng Sung Tích, dân làng và bạn bè đem chôn nơi thành đất mà kiếp trước Chiếu vừa là quan, vừa là vua, cùng bạn bè chôn trâu đắp thành tập trận, được gọi là mộ “Quan Chiếu Vương”

Thứ hai là chuyện vua Nam Chiếu, đó là cậu bé tên Chiếu, con của nàng làm nghề chài lưới bên bờ sông Trà, nhà nghèo nên Chiếu phải đi chăn trâu. Chiếu có biệt tài bơi lặn, có máu chỉ huy, hằng ngày tụ tập trẻ mục đồng bày binh bố trận, chia phe đánh nhau, lũ trẻ coi Chiếu như thần tượng. Thuở ấy vào đời nhà Đường bên Tàu có tên phù thủy, giỏi địa lý, qua Giao Châu đã dành nhiều thì giờ đi khắp nơi tìm xem long mạch, nơi nào vượng phát thì triệt ếm đi, cốt không cho phương Nam còn ai làm vua, dễ bề xâm lược. Khi tới miền Ấn-Trà, thấy sông Trà Khúc là dòng “Cửu khúc hồi hoàn” bên núi rồng chễm chệ, tất nhiên phải có kỳ tài xuất hiện. Cao Biền dừng lại thăm dò, gặp Chiếu đang được lũ trẻ làm kiệu rước đi uy nghi. Sau đó Chiếu một mình xuống sông chỗ Hàm rồng, lặn lội một lúc lâu rồi lên bờ

nằm nghỉ. Cao Biền lân la làm quen gởi chuyện. Chiếu vô tình cho biết dưới hang sâu có một con vật mình dài mấy chục sải, to lớn, đầu tai mất mũi, râu sừng rất lạ nhưng rất hiền và chịu đùa nghịch với tôi. Cao Biền biết rõ đó là con rồng chưa lên khỏi nước; bảo Chiếu đưa về gặp mẹ, xin nhận Chiếu làm con nuôi, cho vàng bạc để ăn học, không chần trầu nữa, và hứa sẽ đào tạo cho Chiếu trở thành người tài ra giúp nước. Cao Biền về Tàu, lấy hài cốt của cha gói vào một gói vải, rồi trở lại lấy hài cốt của cha Chiếu cho vào một gói khác, bảo Chiếu ra sông lặn xuống bỏ vào miệng con vật gói thứ



*Một guồng xe nước trong những bờ xe nước,
bên tả ngạn sông Trà Khúc*

(Ảnh của Đặng Tùng)

nhất đem từ Tàu sang, còn gói thứ hai treo vào sừng con vật cột chặt. Nhưng Chiêu có linh cảm thông minh biết được ý đồ của họ Cao, muốn sử dụng mình làm công cụ cho ý chiếm miền Ấn-Trà làm vua nước Nam. Nên Chiêu làm ngược lại, bỏ gói thứ hai vào miệng con vật, treo lỏng ở sừng gói thứ nhất. Từ ngày bỏ được hài cốt cha vào miệng rồng, Chiêu lớn nhanh, sức mạnh phi thường, tài nghệ vô địch, thúc giục Chiêu hưng binh đi đánh nhà Đường, được khắp nơi hưởng ứng, đánh đâu thắng đó, tôn Chiêu là “Nam Chiêu Vương”. Ở bên Tàu, Cao Biền đình ninh chờ ngày qua phương Nam làm vua, nhưng nghe hung tin, dưỡng tử của mình đã làm vua Nam Chiêu, đánh đuổi quân nhà Đường tới tận Quảng Đông – Quảng Tây, vội vã xin vua Đường phong cho cử đại binh sang phục hận, vua Đường phong cho Cao Biền là Tiết Độ sứ Giao Châu. Việc trước hết là Cao Biền đến chúc mừng mẹ Chiêu có đứa con nay đã làm vua, duy chỉ có điều cần làm ngay là bảo vệ ngôi vua lâu dài. Mẹ Chiêu tạ ơn và mọi sự đều trông nhờ vào dưỡng phụ của con. Cao Biền thâm độc ra tay dùng mẹ sát hại con, đã rèn một thanh kiếm dài bằng vàng khắc lên đạo bùa “Trăm long Trà Khúc”, đưa cho mẹ Chiêu lên núi Long đầu, chỉ điểm chính mạch Hàm rồng, đâm mạnh lút cán, tự nhiên máu trong lòng đất phun trào đỏ cả sườn núi trông ghê rợn. Mẹ Chiêu hoảng hốt la lên ngất xỉu. Cao Biền rút thanh kiếm, ếm bùa, dùng thuyền bơi ra chỗ Hàm rồng, hóa bùa đọc chú tiếp một

hơi, xong cắm mạnh thanh kiếm xuống nước, rồi phóng nhanh vào Hàm rồng, tự nhiên máu trong Hàm rồng chảy tuôn ra nhuộm đỏ cả dòng sông. Cao Biền còn dùng một cái ấn bát quái đúc sẵn, có khắc đạo bùa “Tọa ấn bình sơn” bay lên núi Chúa phía trên núi Long đầu, họa phép đóng ấn như niêm lại, nơi có mạch địa phát vương án ngữ trở nên vô hiệu. Âm mưu chém rồng sông Trà và phá hủy địa linh vừa xong, thì cũng vừa lúc vua Nam Chiếu đang điều binh khiển tướng tấn công triệt để, đột nhiên ôm mình vật vã, chứng tỏ năng lực suy tàn một cách nhanh chóng và cuối cùng ra lệnh lui binh. Cao Biền kéo quân áp đảo dữ dội, đánh bại ngay quân Nam Chiếu, bắt được vua Nam Chiếu, chém đầu luôn tại trận. Đầu vua được kẻ hầu cận mang về quê cũ, nhưng đã chôn ở dọc đường.

Nhiều đời sau các nhà địa lý vẫn coi Long Đầu hỷ thủy là long mạch, nằm trong mảnh đất Ấn-Trà, địa linh sinh nhân kiệt. Ngay trong “Cao Biền tấu thư địa ký kiểu tự” do Cao Biền dâng lên vua Đường, hoàn toàn không dả động đến Long Đầu hỷ thủy, mà lại về trong “Cấm Thành Long Đồ Thư” để làm của riêng. Nhưng ảo mộng Cao Biền không thành hiện thực, và thời mệnh không cho con cháu của Cao Biền được đến Quảng Ngãi.

CỔ LŨY CÔ THÔN

Cổ Lũy cô thôn là một thôn cô quạnh, sông biển, núi non vây bủa chung quanh. Xưa kia người Chiêm Thành dùng địa thế xung yếu này xây dựng thành một tiền đồn chiến lược, bảo vệ lãnh thổ kiểm soát biển khơi và đất liền. Họ chiếm ngự hằng bao nhiêu thế kỷ, nên Cổ Lũy mệnh danh là xứ Cổ Lũy động, khi chưa có tên Quảng Nghĩa hay Quảng Ngãi.

Khi Chiêm Thành giao Cổ Lũy động cho nhà Hồ, thì Cổ Lũy được dùng làm cơ quan hành chánh tiếp nhận dân từ ngoài vào dựng bộ lập làng. Năm Tự Đức thứ 24 (1871) có đắp lũy cho binh triều đồn trú, đến năm thứ 26 (1873) lại dời lũy về làng Thanh Khiết, nay là xã Nghĩa Hà. Thời Pháp thuộc bãi bỏ đồn trú thành ra thôn làng, kết nối phía dưới có làng Phổ An, phía trên làng Phú Thọ. Các làng này trước kia là đơn vị thôn, thuộc xã Tư Hiền. Sau năm 1975, thôn Cổ Lũy và thôn Phú Thọ thuộc xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa. Thôn Phổ An thuộc xã Nghĩa An, huyện Tư Nghĩa.

Cổ Lũy có cao độ mặt bằng xấp xỉ với mặt biển. Đất pha cát, thích hợp cho việc trồng dừa, vài chục năm trước Cổ Lũy còn là một rừng dừa bát ngát. Dừa

ăn quả, làm các loại bánh mứt, ép dầu, nước uống mát khỏe. Thân cây dừa có thể thay cho gỗ xẻ, xơ dừa phơi khô, quán kéo thành dây cuộn, dài để cột, bó rất chắc, đi đôi với nghề dệt chiếu ở Cổ Lũy có tiếng là đẹp.

Trước mặt thôn Cổ Lũy là biển Đông sóng vỗ, cách một bãi cát dài như cồn cao chắn gió, nay là thôn Phổ An. Sau lưng là núi Phú Thọ, có thôn Phú Thọ che nắng buổi chiều. Con đường đưa đến Cổ Lũy là tỉnh lộ Quảng Ngãi – Cổ Lũy, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi về hướng Đông – Bắc trên 10 km. Vành đai trước mặt và hai bên thôn Cổ Lũy là một viên nước tự nhiên. Hướng nam là vịnh Gành Hàu, nơi trú chân của thuyền bè ngư dân và chuyển tải hàng hóa. Hướng Đông là dòng sông Vệ chảy ngang, ngăn đôi bờ Phổ An và Cổ Lũy, hai bên qua lại bằng dò ngang, nhưng nay đã có cầu dúc thay cho dò.

Dòng sông Vệ chảy qua khỏi thôn, nhập vào sông Trà Khúc ở hướng Bắc, hai sông hòa chung thành một dòng trước khi đổ ra biển... chỗ giao hợp này tạo thành một cái bể nước rộng lớn, khi thủy triều dâng càng rộng lớn thêm. Giữa biển và sông dường như muốn lấn áp, tấn công nhau, nếu như không có trường thành thiên nhiên án ngữ, bên này là thôn Phổ An, bên kia là thôn Mỹ Khê Nam, thì cửa biển đã lớn càng mở lớn thêm. Nên nơi đây được gọi là cửa Tấn, hay cửa Đại, nhưng sát với địa danh là cửa Cổ Lũy một thương cảng, một trong năm cửa khẩu kinh tế trọng điểm của tỉnh Quảng Ngãi.

Còn nhiều huyền thoại nói về Cổ Lũy, như trong “Hồn quê vương vấn” nói ở đoạn sau, thì nơi đây vào thuở xa xưa, các tiên nữ trên thiên đình thường xuống đùa vui, tắm mát, đánh cờ tướng trên khu Bàn Cờ, ngắm cảnh đẹp trần gian, để quên lụy quý... Và nơi đây cũng là điểm tập kết gỗ quý mà thuở xa xưa, vua Tê làm cung điện dưới biển sâu, đã dâng nước sông Trà Khúc lấy gỗ lên nguồn cao...

Cổ Lũy hôm nay không còn hình ảnh của một cô thôn quanh quê, không còn những mái nhà lợp lá dừa lụp xụp, ngăn gió bằng liếp dừa, mà nhà cửa đã xây dúc, nếu không san sát bên nhau thẳng hàng, thì cũng với dáng vẻ nhà vườn, đường sá giao thông đổ bê tông hóa, và đời sống dân cư ngày càng trở nên phồn thịnh. Những chiếc ghe con im ngủ ven sông, lênh đênh trên mặt nước đã nhường chỗ cho những con thuyền lắp đặt động cơ, những con tàu đánh cá xa bờ. Nghề chài lưới bên sông có còn chăng nữa cũng chỉ là phụ nghiệp.

Nhưng ngoài cái đẹp hiện thực của Cổ Lũy, còn có cái đẹp không gian của núi Phú Thọ chạy dài sau lưng thôn, có độ cao 60m so với mặt nước biển, chiếm diện tích khoảng 8 héc-ta, với nhiều lối đi lên núi, mỗi bước đi mỗi thấy khác lạ, người xưa cho là “Nhất bộ dị dạng”. Núi Phú Thọ gọi là núi Đá hay Thạch Sơn, toàn núi có hình thù như con Kỳ Lân bằng đá nhìn ra biển, còn gọi là Kỳ Lân sơn. Núi có nhiều đá tảng chồng chất lên nhau, gió lùa qua khe hở, hay thử gõ vào đá có âm thanh như

tiếng chuông, tiếng trống, nên địa phương gọi là “Cấm Bầm Buông”. Chắc có lẽ xưa kia núi là cấm địa Chiêm Thành, vì núi có địa hình vừa cao, vừa gập ghềnh, vừa là tiền đồn quan trọng. Họ đã dựng thành bàn cờ, bốn mặt vuông tượng như bàn cờ tướng ngay giữa núi, cao 25m, áp gạch nung, xây móng đá ba lớp. Đầu núi phía Bắc hơi nhô ra, chân trụ sông Trà, họ xây thành Hòn Yàng, hay Hòn Vàng, các thành này chỉ còn dấu vết.

Sau này triều đình nhà Nguyễn có đặt ngọn Hải đài Cổ Lũy trên thành Hòn Yàng, cho thuyền bè ra vào dễ nhìn thấy. Thời Pháp thuộc không dùng nữa, vì đã chọn núi Ba-Tân-Gân (cửa Sa Kỳ) dựng ngọn hải đăng, mang tính quốc tế, dấu hiệu cho tàu thuyền ngoài biển khơi tránh đá ngầm và đích đến.

Nhà thơ Nguyễn Thông khi làm bố chánh tỉnh Quảng Ngãi (1870) đã có bốn câu “Đăng Đại Cổ Lũy hải đài”:

*Đông vọng bình sa ủng tuyết đôi
Hải môn trung phách lưỡng giang khai
Trùng dương ngũ nguyệt vân phàm tập
Bàn thị Nam Trung mẽ khoái lai.*

Dịch thơ: Lên hải đài cửa Cổ Lũy

Nhìn đông cát trải, tuyết đôi pha
Cửa lớn, hai dòng nước chảy qua
Biển cả, tháng năm thuyền tới tấp
Từ Nam, lúa gạo chuyển Trung hòa.

Trên núi có một hang đá thiên nhiên, tương truyền ngày xưa có cọp ở đây, rất hiền từ, không bao giờ xâm hại người, nên cho cọp dã đi tu. Sau này có một nhà sư dựa vào lòng tin đó đã kiến tạo hang đá thành ngôi chùa đá, gọi là chùa Hang, hay Thạch Sơn Tự. Bên cạnh không xa còn có một thảo am, có tên là Thạch Liêm am, do một nhà sư dựng tu khi mới xuất gia tu Phật.

Bây giờ lên núi Phú Thọ, nhìn cảnh quan Cổ Lũy, kết cấu bởi một quần thể đa dạng, sẽ thấy Cổ Lũy và núi Phú Thọ điệp một màu xanh quỳến rũ, phản chiếu màu trời và sông nước mênh mông. Mỗi khi sương mù mờ nhạt, hoàng hôn bao phủ, xa trông như bức tranh “Ngư thôn tịch chiếu” trong “Bát cảnh Tiêu Tương” của Tống Dịch bên Tàu. Người xưa cảm cảnh sinh tình, đặt tên cho nơi đây là “Cổ Lũy cô thôn”. Năm 1993, được Bộ VH TT công nhận là di tích Văn hóa – Lịch sử cấp quốc gia.

Nhà thơ Thanh Vân đã đề vịnh “Cổ Lũy cô thôn”.

Ngoạn du Cổ Lũy xiết bao tình

Xây đắp kia ai lấm vẻ xinh

Chiếc lá thuyền trôi dòng nước biếc

Mảnh thoi én liệng cuộn trời xanh

Chòm dừa bên bãi chim ca múa

Đợt sóng ven bờ cá giỡn quanh

Trên Ấm, dưới Trà non nước ấy

Dư đồ một bức để truyền danh

THẠCH BÍCH TÀ DƯƠNG

Thạch Bích Tà Dương hay nắng chiều Thạch Bích, chiều tà có nghĩa là bóng nắng chiều trên núi Thạch Bích. Thắng cảnh này sát với dãy Trường Sơn hùng vĩ, giữa ba huyện Minh Long, Nghĩa Hành và Tư Nghĩa. Có một tổng quan rộng, không ước lệ giới cận, được hình dung trong tâm ngấm và nặng về ý tưởng tinh thần.

Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* của Quốc Sử quán nhà Nguyễn, thì Thạch Bích tà dương là núi Đá Vách, ở cách huyện Chương Nghĩa (Tư Nghĩa) 21 dặm về phía Tây. Địa phương chí Quảng Ngãi nói rõ núi Thạch Bích, tục danh núi Đá Vách, cao 1300cm, thế núi quanh co, vách đá dựng ngược, dưới núi có đường đi tắt, hẹp, phía Tây thông đến các làng dân tộc huyện Minh Long, đi qua Tử Tuyền (suối Tía) thuộc huyện Nghĩa Hành, rất hiểm trở, ngày trước nhiều người không dám đến. Xưa kia có một số nhóm người gọi là mọi Đa Vách ở trên các vùng cao, lợi dụng thế núi theo đường tắt, thường xuyên kéo xuống miền trung châu quấy phá, đã là mối lo ngại cho các triều đại nhà Nguyễn.

Núi Thạch Bích có hai ngọn. Một ngọn ở Minh Long giáp Suối Tía, phía tây-bắc có trại Nước Da, từ Trường Lũy đi lên hai ngày đường, đụng sào huyết của quân giặc. Thời Gia Long nguyên niên (1802), có đắp Trường Lũy để phòng thủ, do tá quân Lê Văn Duyệt dựa vào thế sườn núi, đóng quân dẹp giặc ở đây. Còn một ngọn núi thấp hơn ở ngoài Trường Lũy, giáp huyện Mộ Đức, đi bộ một ngày đường.

Tính độ dài của Trường Lũy có đến 90km, từ huyện Hà Đông, Quảng Nam, đến đèo Bình Đê, Quảng Ngãi. Tá quân Lê Văn Duyệt chia làm 6 cơ, 115 bảo, mỗi bảo có 10 lính. Việc phòng thủ bằng Trường Lũy cũng theo truyền thống quân sự đã có từ thời Bắc quân Đô Đốc Bùi Tá Hán, theo Chúa Nguyễn vào Nam, lãnh chức Đô tướng, làm Tổng trấn Quảng Nam. Đã tổ chức 6 đạo binh, đặt chức Giáo dịch, chia miền núi Quảng Ngãi ra từng vùng, mỗi vùng có 4 nguyên... Đời vua Tự Đức cử ông Nguyễn Tấn làm tiểu phủ sứ sơn phòng Quảng Ngãi, dưới Tổng nguồn có một số đầu mục, sách trưởng, ngang với thôn trưởng miền trung châu.

Thạch Bích có nghĩa là Đá Vách, vì núi nhiều tảng đá đứng, có mặt bằng đứng thẳng, dưới trung châu nhìn lên thấy ngọn núi như tấm vách to, cao giữa trời. Tương truyền nơi ngọn vách cao đó là cột đồng Mã Viện từ thời Đông Hán (25 TCN-220 SCN), do hộ Giao Chỉ – Cửu Chân, đã chôn hồi nào không biết, trở thành một chuyện mĩ mai trong lịch sử. Lại có thêm giai thoại

xuất phát từ lòng bất khuất, nói rằng cột đồng Mã Viện này đã bị người đời thù hận, mỗi người đi qua lại, ném đá nên lấp dấu mất tìm không thấy, chỉ thấy “Cắm Thành Vách Đá Cao”.

Trải qua các quá trình giao động đó, cho thấy núi Thạch Bích thời nào cũng đưa vào nguồn khai phá nhiều mặt. Riêng về mặt văn chương nghệ thuật, người xưa đã dựng nên thành danh thắng, thi văn nhân tả vịnh để đời. Phong cảnh Thạch Bích tà dương có lẽ mang nhiều sắc thái đặc biệt, luôn biến dạng thay hình theo thời gian, kêu gọi và cuốn hút. Núi Thạch Bích buổi mai khói mây ngưng sắc tía, buổi chiều hang hóc ngậm màu son. Khi mặt trời lặn, ánh tà dương chiếu xuống, đá núi đều dợn sóng lấp lánh như sao. Chung quanh một màu đen thẫm, nhưng đỉnh Thạch Bích vẫn rực rỡ huy hoàng, rất khác lạ.

Nhà thơ Thường Quân đã say trước cảnh đẹp này:

Mình Long, Tư Nghĩa một trời mây

Đến viếng tắc lòng cũng nhớ ai...

Thạch Bích chìm sương nghe lắng mộng

Tía Khê cuốn nắng khiến cau mày

Mặt trời nuối tiếc đêm về muộn

Làng nước mơ màng gió thổi hây

Đã đến thăm sơn thành bạn lũ

Không men mà cảm thấy càng say.

HÀ NHAİ VẦN ĐỘ

Sông Trà Khúc phát nguồn từ cao nguyên Kontum, hợp lưu cùng các con sông miền tây Quảng Ngãi, chảy về Đông qua các huyện Sơn Hà, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi, đổ ra biển, qua cửa đại Cổ Lũy và cửa Sa Cần.

Con sông tên tuổi có độ dài trên 200km này đã mang chất phù sa cho những cánh đồng vùng trung châu thêm phì nhiêu, tươi tốt. Bồi đắp cho hai bên dòng sông thành những thôn làng trù phú, tạo nên nhiều phong cảnh hữu tình, cho cư dân hai bên dòng sông Trà Khúc có một nếp sống phồn thịnh.

Trong 12 thắng cảnh của tỉnh Quảng Ngãi, thì bên bờ tả ngạn sông Trà đã chiếm hết ba thắng cảnh là Thiên Ân niêm hà, Long Đầu hỷ thủy và Hà Nhai văn độ. Bên bờ hữu ngạn một thắng cảnh là Cổ Lũy cô thôn. Dọc theo hai bên bờ sông Trà Khúc từ Đồng Ké, Ba Gia xuống đến Phú Thọ, Cổ Lũy đã hình thành nhiều bến dò ngang lớn nhỏ, nuôi sống cho nhiều gia đình lâu đời chuyên nghề chèo dò, và con dò nhỏ bé, xinh xinh lại

trở thành một phương tiện giao thông linh hoạt. Tính năng động ấy nay vẫn còn ở một vài bến dò ngang, và cái hình ảnh con dò, cô lái, mái chèo đưa khách sang sông vẫn là bản sắc đậm đà thi vị. Đặc thù trong chín khúc sông của Trà Giang cửu khúc, có một khúc sông gắn kết với một bến dò lưu luyến, không kém gì bến dò Trà Khúc tại Hàm Rồng núi Long Đầu. Được người xưa đồn hết tinh hoa đề cao danh thắng, có tên là Hà Nhai văn độ.

Thắng cảnh này nằm xuôi theo dòng Trà Khúc, bên bờ tả ngạn, bao gồm cả thôn Ngân Giang, Hà Nhai và Thọ Lộc, nay là ba thôn của xã Tịnh Hà. Bao gồm cả ba thôn ấy nên bến dò xưa tên là Hà Nhai, huyện Sơn Tịnh.

Từ sáng tinh mơ đến xế bóng, khách qua sông tự nhiên bình thản, ngắm cảnh trời mây non nước xung quanh, những chiếc ghe chòng chành, kéo từng lưới cá tung tăng. Nhưng về chiều tối, khách qua sông cứ cảm thấy lòng bồi hồi xao động. Phần lớn tiếng gọi dò, phần bồng chồn nghe ngóng tiếng mái chèo khua nước trên sông, phần hoàng hôn báo hiệu màn đêm buông xuống. Thành ra Hà Nhai văn độ còn được gọi là Dò Chiều Hà Nhai.

Nhà thơ Hải Sơn tức cảnh:

Nắng còn trải nhẹ bến dò qua

Chầm chậm hoàng hôn rọi bóng tà

Cánh bướm thong dong ươm dệt tú

Đàn cò hăm hở sợ chiều sa
Sông xanh lơ lửng thuyền xuôi ngược
Cát trắng chênh thang én lượn là
Cô lái cười duyên chèo khuấy nước
Đưa người lữ khách thấm tình hoa.

Xưa kia bến dò Hà Nhai người qua kẻ lại tấp nập, tạo nên cảnh sông nước rộn ràng. Ngày nay sự thay đổi của thiên nhiên, bên bồi bên lở đã vẽ lại bức tranh toàn cảnh. Bến Hà Nhai đứng sát thành bờ sông, đối diện bên kia là các bên dò. Xuân Phổ, một bãi cát kéo dài mấp mé viền sông chảy thẳng dòng. Xin mượn câu thơ của thi hào Trần Tế Xương để liên tưởng

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà của chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò.

AN HẢI SA BÀN

Thôn An Hải là một thôn như bao thôn ở miền biển, nay thuộc xã Bình Châu, huyện Bình Sơn. Nơi đây có bãi cát trắng, rộng hơn cây số vuông, bằng phẳng lúc nào cũng láng mịn, giống cái mâm bằng cát, hình thể tròn trịa rất kỳ lạ, ưa nhìn, không biển cát nào có được như chỗ này. Nên có tên là “An Hải sa bàn”, một trong 12 thắng cảnh của tỉnh Quảng Ngãi.

Thắng cảnh này có từ ngàn xưa, Tuần Vũ Nguyễn Cư Trinh đề vịnh và Quốc Sử Quán nhà Nguyễn đã ghi vào sách *Đại Nam nhất thống chí*. Nay UBND tỉnh Quảng Ngãi cũng đã ra quyết định xếp hạng di tích Lịch sử – Văn Hóa vào năm 1993.

Thực tế địa danh An Hải, nằm trong vòng eo biển Mỹ Khê và Sa Kỳ, hai bên có khoảng cách bằng nhau trên 5km. Đến tham quan An Hải nếu đi dọc theo bãi biển Mỹ Khê đi ra, hay dọc theo bãi biển Sa Kỳ đi vào, vừa ngắm biển, vừa hưởng gió biển trong lành. Hoặc theo quốc lộ 24B Trà Khúc – Mỹ Khê đi Sa Kỳ, chạy dọc phía trên thôn.

Do cái vòng eo thiên nhiên đó, mùa hè ngọn gió nồm từ ngoài khơi tạt vào làng thôn dân bít và núi chắn sau lưng, gió đổi hướng quay tròn, gặp phải chỗ trống trải, quên lại cho thôn An Hải một mâm cát tự nhiên, tăng cảnh đẹp cho thôn và cho những tâm hồn giàu óc tưởng tượng. Một nhà thơ xứ Cẩm Thành đã mô tả:

*Bãi trắng cát bằng nắng chứa chan
Gió trắng quên mặt gọi sa bàn
Thôn xưa mái thấp nao lòng khách
Làng cũ dừa nghiêng vọng tiếng dân
Mảnh lưới tung bờ quay biển lộng
Góc trời vỗ cánh nhịp chim đàn
Mâm xây sắp sẵn mời con Tào
An Hải thanh bần trải tấc gan.*

LIÊN TRÌ DỤC NGUYỆT

Từ trung tâm thành phố Quảng Ngãi di hướng Nam chưa tới 40km, xưa kia có một ao sen rộng như cái hồ dàng tròn tròn, đứng ngoài nhìn vào như hình bán nguyệt, khoảng 10 mẫu. Không rõ sen có từ bao giờ, hay sen mọc tự nhiên do bùn lầy và nước đọng, quanh năm lá hoa xanh tốt, tưởng chừng như một vườn hoa kiểng nổi giữa cánh đồng làng, ai ai cũng phải trầm trồ ca ngợi.

Cũng do tính chất hiếm có này, người xưa đã lấy ao sen làm biểu tượng, thích nghĩa cho tên làng là Liên Chiểu, Liên là sen, Chiểu là cái ao hình cong, làng Liên Chiểu ngày xưa rất rộng lớn. Thời nhà Nguyễn đã chia Liên Chiểu ra làm 6 làng: An Định, Vinh Hiển, Thiệp Sơn, Kim Giao, Mỹ Thuận và Thanh Bình, thuộc tổng Phổ Cẩm, huyện Đức Phổ. Sau 1945, được hợp nhất lại thành một xã có tên là Phổ Thuận, và các làng cũ trở thành các thôn. Ao sen do đó bị ảnh hưởng thu hẹp. Trước 1945 còn 4 mẫu, bây giờ

còn khoảng 2 mẫu, nay nằm tại thôn Mỹ Thuận, xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ.

Xã Phổ Thuận thuộc vùng đồng bằng, nằm giữa quốc lộ 1A và đường sắt Bắc-Nam. Phía Tây là vùng đất đồi, có núi Đá, núi Chóp Vung, núi Xương Rồng, núi Giang. Sông Trà Câu bắt nguồn từ huyện Ba Tơ, chảy xuống cửa Mỹ Á làm ranh giới phía Nam của xã. Sông núi xã Phổ Thuận hôm nay, làng Liên Chiểu thuở xưa, thiên nhiên đã hoàn chỉnh bức tranh thiên nhiên tuyệt mỹ.

Những khi trăng treo trên ngọn xương rồng, soi bóng dưới lòng ao, nhìn sen nở, hương sen như tắm gội lòng mình trong ánh huyền diệu thanh tao. Họ đã hình dung cái đẹp của ao sen tròn như trăng rằm, khuyết như mảnh thương tuần. Ao nước trong xanh, tự đứng sen mọc, mặt trăng rọi hình xuống ao như chị Hằng khỏa thân đang tắm, được lá hình sen che ánh mắt tò mò. Nên gọi là Liên Trì dục nguyệt, có nghĩa là trăng tắm ao sen. Thắng cảnh này năm 1993, UBND tỉnh Quảng Ngãi có quyết định xếp hạng di tích Văn Hóa – Lịch Sử.

Một nhà thơ xứ Cẩm Thành đã có thơ vịnh:

Liên Chiểu về đêm tắm chị Hằng

Cho tình mơ mộng thỏa lòng chãng?

Cõi tiên e ấp vòng cung Quảng

Hạ giới tha hồ lượn gió trăng

*Đáy nước ngâm mình khoe vẻ ngọc
Đài hoa hé nhụy tỏa hương sen
Ao xưa nàng tấm nay xanh lúa
Thao thức tâm hồn cảnh giá băng*

Quảng Ngãi ngoài ao sen Liên Chiêu (Phổ Thuận), xưa kia còn hai ao sen cảnh cũng đẹp được nhắc đến nhưng nay không còn. Là ao sen ở làng Bồ Đề nay là xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, quê hương của tả quân Lê Văn Duyệt. Và một ao sen ở làng Ba La, nay là xã Nghĩa Đông, thành phố Quảng Ngãi.

LA HÀ THẠCH TRẦN

La Hà thạch trần là trần đá làng La Hà, phía đông-bắc huyện lỵ Tư Nghĩa, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi 5km về hướng Nam.

Thắng cảnh này nằm trên quốc lộ 1A, gồm ba hòn núi đá tạo thành một trục tam giác, ba góc liên hoàn với rất nhiều hòn đá tảng, to có, nhỏ có, cao thấp có, úp dưới mặt đất có, ở rải rác xung quanh, chen chúc khắp đồng lúa của ba làng La Hà, Điện An và Vạn An. Trước 1975, thuộc hai xã Tư Duy và Tư An, nay thuộc hai xã Nghĩa Trung và Nghĩa Thương. Ba hòn núi có tên:

1. Báo Sơn hay Hổ Sơn (núi hùm hay núi beo), vì núi có nhiều tảng đá to cao giống hình thể con cọp, con beo, trông rất oai vệ. Núi này thuộc địa phận xã Nghĩa Trung.

2. Tượng Sơn (núi voi), có rất nhiều tảng đá to cao giống hình thù con voi.

3. Cô Sơn, núi đá đứng một mình, có hình thù hai

ông tướng đứng đối diện. Tượng Sơn và Cô Sơn thuộc địa phận xã Nghĩa Thương.

Hai đầu Bắc-Nam của ba núi đá có cầu Bàu Giang và cầu La Hà làm phòng hào ranh giới. Dòng sông chảy qua hai cầu này nối liền với sông Diên Trang ở phía trên, bao bọc tận phía dưới, giáp dòng sông Vệ, về Cổ Lũy Cô Thôn, Năm 1993, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có quyết định xếp hạng La Hà Thạch Trận vào di tích Văn Hóa – Lịch Sử.

Người xưa cho địa hình nơi đây là một trận đồ, đứng trên cao nhìn xuống là một thế trận đa dạng, không rõ tên trận là gì. Bản doanh tham mưu ở ngọn núi nào, chống trả với đối phương từ hướng nào là hướng chính. Tại sao tướng đứng yên nhìn nhau, hùm, beo, voi, báo chờ lệnh ai, thiên binh vạn mã sao án binh bất động, lâu ngày tro gan thành đá? Các nhà địa lý thường hay khảo sát ở đây để tìm địa cuộc, cũng chỉ nhìn vào địa thế mà phán đoán, suy ra, do hóa công đặt bày. Còn thi nhân thì nhìn cảnh sinh tình thấy hay, thấy đẹp, cứ nhập hồn vào thi tứ.

Một nhà thơ xứ Cẩm Thành đã có thi vịnh:

Bốn mặt sông giang lũy chiến hào

Thôn làng kết hợp diễn binh đao

Quân dân thế cuộc đồng xanh phủ

Hổ phục sẵn sàng núi xám xao

Bất khuất quên mình thù kình nể
Kiên cường vì nước bạn nghiêng chào
La Hà trận ấy thời gian chết
Hậu thế hững hờ lịm ánh sao;

Rất tiếc nhiều thập kỷ trở lại đây các núi lớn trong các thắng cảnh nói trên đã bị bàn tay con người mặc nhiên khai phá, lấy đá mở đường và dân địa phương chuyên nghề làm đá đã lấy đá xây dựng, làm cối, làm bia mộ... nên hình thù không còn dạng, thậm chí cả núi hùm cũng san bằng. Đồng ruộng xưa kia, nay đa phần đã đô thị hóa, nhà cửa vươn lên, dân cư buôn bán làm ăn... khó mà nhận diện cảnh La Hà Thạch Trận một cách rõ ràng.

Có truyền thuyết kể lại thuở xưa Cao Biền sau khi đã thực hiện mưu đồ triệt long mạch, chém rồng sông Trà Khúc, sát hại mẹ con vua Nam Chiếu, y nuôi mộng xưng vương, cái chức Tiết Độ Sứ chưa làm y thỏa mãn. Tuy nhiên miền Ấn-Trà còn nhiều linh huyết khởi phát nhân tài, đã là mối lo cần phá hủy cho hết. Cao Biền dùng phép thuật ếm bùa các điểm trọng yếu tiếp theo như Thiên Ấn, Châu Sa, Hà Nhai, Liên Chiểu... Còn trận La Hà quả thật gay go, đòi hỏi nhiều công luyện sức, nếu không vô hiệu hóa thì cũng phải biến thành xung lực cho sự củng cố uy quyền.

Rồi vào một đêm, Cao Biền bí mật cho bắt một số cô gái trẻ đẹp ở tuổi dậy thì và dùng tiết trinh của

những đóa hoa sống, vùi xác vào các linh huyết làm thần sống giữ đất La Hà. Chẳng ngờ trong số cô gái ấy có một nàng lần đầu tiên có kinh nguyệt, Cao Biền sợ nhiễm trước để qua một bên. Lợi dụng lúc Cao Biền đang chú tâm làm phép, nàng đã tìm cách thoát thân, bò lẩn qua từng mô đất đá có cấm cờ hiệu ra khỏi trận đồ bát quái.

Đến giờ hành sự đã định, Cao Biền lên đỉnh cao của trận đồ phù phép hô to nhưng tất cả mọi vật đều lặng thình phăng phắc. Đá vẫn la liệt nằm trơ, hình thù thú vật không con nào chuyển động, hư không vẫn hoàn hư không. Ý đồ bành trướng của y tan tành mây khói.

Cao Biền sức nhớ đến người con gái trốn thoát, tức tối đi khắp nơi tìm kiếm, lục soát nhưng hiệu lực đã mất làm cho y hắc hơi ngā quị. Cao Biền vội vàng chụp lấy điều giấy bay lên lẩn trốn, bỗng dưng cuồng phong từ đâu ập tới, đẩy y dạt về phía Đông – Nam huyện Mộ Đức, không gượng dậy nổi, lật bật rung lên từng cơn thảm hại.

Ngày nay ở Quảng Ngãi còn nhắc câu “Lấy bầy như Cao Biền dậy non” và dọc theo bãi biển An Chuẩn, Kỳ Tân, An Mô, Long Phụng, có một cồn cát nổi cao, đã cho đó là “mả Cao Biền”. La Hà thạch trận lại là trận phản công mộng bá đồ vương, phá tan ma thuật, tiêu tan ý đồ xâm lược của Cao Biền từ đó.

VU SƠN LỘC TRƯỜNG

Du Sơn Lộc Trường là một ngọn núi đẹp, đón khách nhàn du bởi phong cảnh đến với núi rừng thiên nhiên kỳ vĩ. Đã thế, núi lại có ảnh hưởng trùng sơn với thắng cảnh Vân Phong Túc Vĩ, nên có cảm tưởng mơ màng thần nữ Vu Sơn ở chốn Trang Đài bao nhiêu thì Du Sơn Lộc Trường lại càng ảo mộng bấy nhiêu. Vì vậy, có người không gọi Du Sơn Lộc Trường, mà gọi là Vu Sơn Lộc Trường.

Thắng cảnh Du Sơn Lộc Trường chính là núi Vụ, đứng cao vút, làm tổ sơn cho các núi thuộc miền cận sơn huyện Sơn Tịnh, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 30km về hướng Tây-Bắc. Núi tròn như trái vụ, gió kéo mây bay tưởng chừng như trái vụ quay ngửa, cây cối sầm uất, đặc biệt có tiếng là nơi tập trung của loài nai, kết thành từng đàn, đàn kín khắp núi, lướt qua tưởng chừng như đây là một rừng nai, cây lá ở đây có hương vị cho chúng thích ăn chẳng?

Nghe nói ngày xưa núi Vu Sơn được khoanh vùng cấm, chỉ dành riêng cho các quan chức tỉnh hạt, huyện

ly và các bậc vương tôn công tử được đến để săn bắn nai rừng, thưởng thức làm thú vui tiêu khiển. Dân địa phương gọi là trường nai của các quan nha quyền quý, nên mới có danh là Vu Sơn Lộc Trường.

Tương truyền có nhiều tảng đá, mặt bằng phẳng, với các ghế đá ngồi xung quanh như sắp sẵn. Tiên trên trời thường xuyên đến đây lập bàn cờ giao đấu, và mỗi lần như vậy đều có các loài thú rừng quây quần hợp mặt đùa chơi. Cạnh những bàn cờ, lại có sân trí múa, cùng với giếng tiên, suối cả, đập trời, thật là tuyệt diệu.

Ngày trước, gặp năm hạn hán, hương chức trong làng cùng dân địa phương lập đàn tế trời đất, đem tượng Phật tắm ở giếng tiên, đảo nguyên cầu mưa. Nước từ giếng tiên chảy ra thành cái khe, dân địa phương thường đem ngựa đến đây tắm, gọi là khe tắm ngựa. Còn suối cả, đập trời là dòng nước tụ từ các ngọn nguồn cao chảy về đây rồi theo chỗ trũng, thấp, phân bố xuống đồng bằng, tưới cho các cánh đồng huyện Sơn Tịnh.

Ngày nay tất cả cảnh trí thiên nhiên ấy không còn bóng dáng, hình dáng những ngọn núi cao chứa chất nhiều tài nguyên, luôn đứng trước mắt mọi người.

Một nhà thơ xứ Cẩm Thành đã có thơ vịnh:

Cầu đảo nghe mưa tắm giếng tiên

Đập trời, suối cả cõi vô biên

Trường nai hỗn tập nào xơ xác

Nhạc trỉ quay cuồng há đảo điên
Đỉnh vự chấp chờn lay Ả Nguyệt
Bàn cờ ngơ ngẩn lạc đào nguyên
Mùi tên lãng tử vô tình quá
Ngắm cảnh đành sao ngắm thú hiền.

THẠCH KỲ ĐIẾU TẦU

Trong năm cửa khẩu của tỉnh Quảng Ngãi có cửa Sa Kỳ, không những phồn thịnh trên phương diện giao thông kinh tế mà còn là một thắng cảnh được người xưa lựa chọn đặt tên. Cửa Sa Kỳ ở bên này mũi Ba-Tân-Gân, bên kia mũi là cảng nước sâu, nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất. Sa Kỳ cũng là trạm dừng trước khi xuống tàu thuyền ra hải đảo Lý Sơn (Cù Lao Ré).

Cửa Sa Kỳ thuộc xã Bình Hạ, Đông-Nam huyện Bình Sơn, giáp đông huyện Sơn Tịnh, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 20km về hướng Đông-Bắc. Dọc theo bãi biển Sa Kỳ là một dãy đá gồ ghề trên mặt và trải ra xa toàn là đá ngầm sát đáy, thấy rõ khi thủy triều lên xuống, tạo thành hành lang có nhiều gành đá, chạy dài khoảng 2km. Hai bên cửa Sa Kỳ có hai quả núi đá liền với núi Nam Châm (mũi Ba-Tân-Gân), khoảng giữa dành cho ghe thuyền đánh cá ra vào, tàu lớn ra vào không được vì đá ngầm và cửa vào càng

hẹp dần.

Trong những tảng đá nổi, có một tảng đá nổi cao hơn, trông giống như người câu cá, lâu năm chầy thảng có cảm tưởng như tác của người này già lắm rồi. Gần kề tảng đá người ngồi câu cá có một tảng đá nhỏ hơn, trông giống như bàn chân người lún dưới giếng. Bên cạnh lại có thêm một hang đá, do nhiều tảng đá nhỏ kết dính lồi lõm, tạo thành hang ổ thiên nhiên. Mỗi lần sóng biển tràn vào hang đá, dội ngược trở ra, phun lên tung tóe, cảm tưởng như cái lò nấu rượu đang sôi trào. Âm vang của sóng vỗ lại có cảm tưởng phì phèo trong chiếc điều tẩu của một lão ngư đang kéo lên từng hồi khói thuốc.

Cái tên Thạch Ky Điều Tẩu phát sinh từ đó, ngoài ra còn có tên là Lão Câu Gành Đá, Gành Đá còn gọi là gành móm (ông già cốp má). Có nhiều dấu bàn chân người lún dưới nước gọi là bàn chân ông khổng lồ. Hang ổ thiên nhiên được gọi là lò rượu của ông già Thạch Ky

Cụ Trương Đăng Quế, Cần Chánh Điện Đại Học Sĩ, thời nhà Nguyễn đã có thơ vịnh:

Những tưởng non sông tác chẳng già

Ai ngờ Gành Móm lại giờ ra

Chòm rong lém đếm râu Bành Tổ

Chẹt đá nho nhe mép Tử Nha

Miệng súc phì phèo cơn sóng vỗ
Khăn lau quệt quạc đám mây qua
Hễ ai có hỏi xuân thu mấy
Từ thuở càn khôn đã có va.

Từ năm 1993 UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có quyết định xếp Hạng Thạch Kỳ Điều Tẩu vào di tích Văn Hóa – Lịch sử.

Đối với bàn chân khổng lồ có nhiều truyền thuyết cho đó là bàn chân của chàng trai làng Đông Dương ở Sơn Tịnh, đứng trước nỗi khốn khổ của dân làng tình nguyện đem thân phục vụ triều đình xây đắp kinh thành châu sa, từ năm này qua năm khác chưa xong. Chàng cầu nguyện trời đất cho chàng được sức mạnh phi thường để làm thay cho dân các công việc nặng nhọc, nhằm thỏa mãn ý đồ của nhà vua. Lời cầu nguyện ấy được cảm ứng và sau một đêm bị quản thúc trong ngục tù chàng bỗng trở nên khác thường, thân hình chàng cao to gấp ngàn lần, thần lực gấp triệu lần, ra sức gánh thêm một gánh đất cuối cùng để cho nên thành cao vượt bậc. Nhưng chẳng may chưa kịp trở vai chàng mất thăng bằng, trượt chân ngã ngựa, không ai tài nào đỡ dậy nổi, chiếc đòn gánh dè lên ngực, hai đầu gánh đất đổ xuống hai cánh đồng Sơn Tịnh và Tư Nghĩa. Đầu gánh đất bên trái là núi Thiên Ấn và đầu gánh đất bên phải là Thiên Bút bây giờ. Chân trái đập ra cửa Sa Kỳ gặp đá cản lại, giữ được bàn chân nay được gọi là bàn

chân ông khổng lồ, còn chân phải đạp ra cửa Cổ Lũy. Đầu gối lên dãy Trường Sơn, toàn thân nằm ngửa lún sâu xuống, tạo độ trũng cho nước nguồn chảy ra biển dòng sông Trà Khúc. Ngã rẽ dưới bụng là tam giang, nơi dòng sông Trà Khúc chia làm hai nhánh, một nhánh về Mỹ Khê – Sa Kỳ, một nhánh về cửa Cổ Lũy.

Cũng có truyền thuyết cho rằng ngày xưa có một ông khổng lồ, ý mình sức mạnh vô địch, muốn làm cái công việc lấp biển vá trời cho đời biết danh. Ông bắt đầu gánh đá lấp cửa Sa Kỳ, không cho nước biển tràn vào ruộng. Chỉ còn một gánh nữa là xong, nhưng vì ráng sức gánh một gánh quá nặng, vừa bước qua cửa biển, bất ngờ chiếc đòn gánh bị gãy, hai đầu gánh đá đổ sang hai bên thành hai quả núi đá, chèn ép cửa Sa Kỳ hẹp lại và đá văng tứ tung vung vãi nên cửa có nhiều đá ngầm. Sự gắng gượng của ông chỗ bàn chân này còn in dấu và hang ổ lổm chổm cho lò nấu rượu hay chiếc điều tàu của ông đá ngồi câu.

VÂN PHONG TÚC VÕ

Vân Phong Túc Võ, hay Vân Phong Dạ Vũ, có nghĩa là mưa trên núi mây lồng gió, nhưng cũng có người cảm nhận là nơi mây gió mưa mỗi khi đêm về, vì hiện tượng mây gió và mưa đêm thường xảy ra trên các núi cao.

Thắng cảnh này ở ngoài nguồn Cù Bà, thời Minh Mạng đổi tên là nguồn Thanh Cù, nằm giữa giáp ranh của ba huyện Đông-Bắc Sơn Hà, Tây Bình Sơn và Đông-Nam Trà Bồng, về hướng Tây-Bắc tỉnh Quảng Ngãi, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi không quá 50km.

Vân Phong Túc Võ là một ngọn núi cao xanh chón chở, nổi giữa nền trời, đỉnh chót vót như chọc thủng tầng mây, xung quanh có nhiều núi thấp liên đới với núi rừng trùng điệp thuộc dãy Trường Sơn. Phía Tây núi Vân Phong là núi Cống Giang, Bàn Thạch và An Hòa. Chóp núi quanh năm dờn dợn mây bay, sáng chiều lúc nào cũng khí sắc như vừa tỉnh sương, hay sau cơn mưa vừa tạnh, phảng phất hơi thu man mác. Người xưa

tưởng tượng phong phú liên tưởng đến cảnh trang đài của Thần nữ Vụ sơn, mong ước có cuộc mây mưa giai ngẫu, hay muốn tìm lạc thú giữa cảnh non tiên nên gọi núi là Vân Phong (núi mây gió) và thêm hay chữ Túc Võ cho hợp tình, hợp cảnh.

Một nhà thơ tú tài đã có thi vịnh:

*Nhẹ chân dạo gót đánh vu sơn
Bóng ác chen cây lá điểm vàng
Ngang mặt đập trời con sóng lượn
Nghiêng tai sân trỉ tiếng kêu vang
Xa trông cổng tượng da xanh biếc
Nhìn lại lộ trường đá trải gan
Vui thú non tiên thêm nhớ nổi
Nữ thần đâu tá vẫn mơ màng*

Thực tế núi Vân Phong chính là ngọn núi Cà Đam, ở phía nam huyện Trà Bồng, cao 1600m, nơi có nhiều tài nguyên lâm sản rất quý. Thời kháng chiến chống Pháp (1945-1954) là căn cứ chống Pháp của người dân tộc Kor. Dưới thời nhà Nguyễn có đặt thủ sở, ít người lui tới do núi non hiểm trở. Nhưng từ nguồn Thanh Cù (Sơn Tinh) qua nguồn Thanh Bồng (Trà Bồng) thuộc huyện Bình Sơn, thì lại là con đường giao dịch buôn bán giữa người Kinh và người Thượng, trao đổi đặc sản giữa nguồn cao và đồng bằng.

Phía đông núi Vân Phong có đường tẻ thông với đồn Đông Dương, ngày trước Lê Văn Duyệt đã có thời đóng binh ở đó. Phía Bắc có vực truy mã, ngày trước thiếu phó Trần Quang Diệu nghe tin Gia Long tái chiếm kinh đô Phú Xuân, Huế, đã đem binh từ tả đạo, theo đường thượng đi ra cho gần, để giải nguy quân Tây Sơn, nhưng đến đây bị bất lối, không kịp tham chiếm và cuộc chiến đã thay đổi quá nhanh, nên quân sĩ quẳng bỏ khí giới dưới vực này rồi tự tan hàng.

ĐẶC SẢN QUÊ HƯƠNG

Thường nghe Quảng Ngãi là xứ mía đường và có nhiều đặc sản quê hương rất khác biệt. Nếu thắng cảnh đã đẹp thì đặc sản cũng không kém vẻ phong phú. Hai tính chất văn hóa này có lẽ không thể tách rời. Tôi xin tóm lược thêm một đoạn giới thiệu các đặc sản đáng nhớ:

MÍA THANH, ĐƯỜNG NGỌT, KẸO NGON

Mía là một loại nông sản nhất nhì sau lúa. Hầu hết các huyện đồng bằng tỉnh Quảng Ngãi, đâu đâu cũng có trồng mía. Mía trồng từng đám hay cả cánh đồng mía. Mía sản xuất đường và chế biến các loại thực phẩm, giải khát, đem lợi nhuận cho nền kinh tế địa phương lâu nay.

Xưa kia, mía sản xuất đường bằng thủ công nghiệp. Đến mùa thu hoạch xóm làng nào cũng thấy dựng lên nhiều chòi mía nấu đường, khói bốc bay hương đường mía thơm phưng phức. Mía ép ra nước, do ba trụ ống hình tròn bằng gỗ tốt, đục rãnh cài khớp vào nhau, gọi là ông "Hàn" dùng trâu hay bò kéo đi vòng quanh, trụ ống quay tròn, có người đút mía vào giữa hai ống, gọi

là cho hàn ăn. Nước mía chảy ra, mức đổ vào các chảo gang to đặc trên lò đất để thắng cô lại thành đường. Lò nấu hay thắng đường, đốt bằng xác cây mía và lá rác mía phơi khô.

Đầu tiên từ nước mía trong, nấu ra nước “chè hai”, cho tới khi tới đường, đổ ra muống, gọi là đường muống. Rồi từ đường muống để trên ui, cho rút hết mật, thế là đường có thể đem dùng. Muốn cho đường trắng, người ta lấy bùn non hay bằm cây chuối đổ lên mặt muống, mật sẽ rút hết, đường sẽ được phân hạng bạch 1, bạch 2, bạch 3.

Không có gì thích thú cho bằng, mỗi khi uống ly nước mía ép, hay uống bát nước “chè hai” tại các chòi mía đang nấu đường. Ở nông thôn còn dùng củ lang khô vích đường mật ra đinh, gọi là đường đinh, và bánh trắng chín nhúng vào chảo đường đang sôi gần tới đường.

Cũng không có gì thích thú cho bằng đi đánh bắt chim mía, ngủ đêm trong các đám mía. Hay mua của những người chuyên đi đánh bắt chim mía, họ nhỏ lông xâu từng xâu năm mười con. Chim mía đem về làm thịt. Chế biến đủ các món ăn khoái khẩu.

Ngày nay, khoa học công nghệ tiên tiến, các chòi mía, các lò nấu đường bằng nước mía ép không còn nữa, tất cả đều tập trung về nhà máy đường Quảng Ngãi, để nơi đây sản xuất đường có hệ thống tinh vi.

Ngoài việc sản xuất các loại đường cát trắng, nhà máy còn làm bánh kẹo, cồn công nghiệp và thực phẩm, sản xuất bia Dung Quất, bán ra thị trường

Tuy nhiên, tính cần cù lao động và tri thức sáng tạo của người Quảng Ngãi qua nhiều đời nối tiếp, đã biết sử dụng cây mía, ép nấu thành đường là cả một công trình đáng ca ngợi. Rồi từ đường pha trộn với các chất liệu khác làm ra các loại bánh dân gian, như bánh thuẫn, bánh nổ, bánh in, bánh ít... làm các loại kẹo dân gian như kẹo mâm, kẹo viên, kẹo ú, kẹo kéo, kẹo gừng... Nhất là chế tạo các loại đặc biệt như kẹo mạch nha... các loại đường đặc biệt như đường phèn, đường phổi... trở thành đặc sản mà ai đã đến Quảng Ngãi cũng phải mua làm quà tặng.

Người dân Quảng Ngãi đã có câu ví:

Ngọt như đường cát

Mát như đường phèn

Trắng như đường bông

Thông thơm đường phổi

CÁ BỐNG, CON DON

Cá thì ở đâu cũng có, nhưng cá Bống, con Don, chỉ sông Trà, sông Vệ ở Quảng Ngãi mới có. Nhất là sông Trà, sản sinh nhiều loài cá Bống, như cá Bống Cát, cá Bống Vồ, cá Bống Mú... thịt chắc, ăn ngon hơn các loại cá khác. Đặc biệt địa phương có món "Cá Bống

kho tiêu". Bữa cơm có món cá Bống kho tiêu, thấy có hương vị mặn mà. Ngày giỗ chạp hay thết đãi khách có cá Bống kho tiêu, thấy thịnh soạn sang trọng. Cá Bống thường ở đáy sông, phủ cát, không pha lẫn bùn và có dòng nước trong. Người đánh bắt cá trên sông thường bắt cá Bống bằng cách thả ống, kéo ngao hay thả rận, nhưng thả ống là cách có hiệu quả hơn.

Cùng với cá Bống còn có một loại cá Thài Bai, con nhỏ lí xí, thường bơi ngược dòng từng đàn theo ven bờ cát. Muốn bắt phải che bờ chắn, đơm cá bằng cái dó tre đan rất dày, cá khó lọt. Đơm từ trên xuôi xuống, đàn cá bơi ngược sẽ vào hết trong đó. Cá Thài Bai kho khô, hay hấp mặn ngọt tùy ý, dùng ăn cơm, cuốn với bánh tráng, chấm mắm rất ngon và rẻ tiền.

Cùng với cá Bống, cá Thài Bai, lại thêm có con Lịch, một họ với lươn, nhưng không dài lắm và nhỏ hơn lươn, như chiếc dưa ăn cơm. Lịch thường vùi mình trong cát giữa dòng sông. Phải dùng cái cào sắt hình V, lội nước để cào... Lịch nấu cháo, nấu canh măng ăn rất mát. Có thể om dầu mỡ, hay xào, kho tiêu như cá Bống kho tiêu, đồng thời có các loại ốc, ăn vặt hay uống rượu, nhưng ốc gạo, ốc quẩn... các loại sò như hến...

Nhưng đậm đà và bình dân là con Don. Cùng họ với hến nhưng nhỏ, hình trái dài hơn hến, thường sống lẫn trong cát, gần ven sông. Nó là món ăn chẳng những độc đáo và còn lạ miệng. Tới Quảng Ngãi mà chưa ăn

Don cũng như chưa tới. Don có màu vàng hay nâu. Đãi vò lấy con trong ruột, nấu với nhiều nước, lỏng hơn canh, bẻ bánh tránh chín hay sống cho đặc, thêm hành họ, ớt mắm. Ăn nhẹ bụng, mát, nhuận trường, rất hấp dẫn.

Quảng Ngãi có câu tục ngữ “cô gái lòng son, không bằng tô Don Vạn Tượng”.

QUẾ, CAU, CHÈ XANH

Đồng bằng Quảng Ngãi có mía đường, cá Bống, Don thì miền núi Quảng Ngãi cũng có nhiều đặc sản nổi tiếng, như quế, cau, chè lá...

Có những rừng quế ở hai huyện Trà Bồng và Tây Trà, hiện nay do chuyên canh trồng trọt chứ không phải thiên nhiên như trước. Thành ra quế Quảng Ngãi là một loại lâm sản thuộc hạng thượng phẩm, rất quý, vừa tiêu thụ trong nước, vừa xuất khẩu ngoài nước

Cây quế to, cao hơn 10m, hoa quế nở từng chùm, hương thơm dịu. Hương quế có hương vị tổ hợp chất, quả quế nhỏ, sắc chín đỏ, nước quế có vị ngọt như đường phèn là loại quế tốt. Quế bóc vỏ, phơi khô, tùy theo giá trị từng hạng bán cho nhà tiêu dùng.

Cùng chuyên canh trồng trọt như cây quế, thì ở huyện Sơn Hà có cả rừng cau ngút ngàn. Và ở huyện Minh Long, Nghĩa Hành lại có cả rừng chè xanh, lấy lá làm trà, nấu nước uống. Bên cạnh đó, tại các huyện miền núi Quảng Ngãi nói chung đều có nhiều loại danh mộc quý giá như Hương, Trắc, Cẩm, Lim...

HỒN QUÊ VƯƠNG VẤN

Trước khi khép lại ký sự danh thắng Quảng Ngãi, tôi xin dành một đoạn hồi tưởng về nơi sinh trưởng của mình. Vì quê hương xứ sở là nơi chôn nhau cắt rún. Nhưng quê hương nói chung trong tầm nhìn tổng thể, còn điểm chào đời mới là dấu ấn khắc cốt ghi tâm.

Năm Giáp Thân (1944), tôi lọt lòng mẹ tại làng Tàu Tượng, cái làng tôi cho là lý tưởng. Nó thon dài như hình người con gái nằm nghiêng, tóc xõa lưng lơ trôi theo dòng sông Trà Khúc. Chiều chiều ra sông tắm mát, nhìn kỹ các hình thể này mà mơ quê hương mình xinh đẹp.

Làng Tàu Tượng nằm sát bờ hữu ngạn sông Trà Khúc, phía trên cầu Trà Khúc 1 (quốc lộ 1A) khoảng 1km, phía dưới cầu Trà Khúc 2 bây giờ (đường tránh Nam) 1km. Hướng Tây giáp làng Thạch Bích, có Hòn Ông và cầu Trường Xuân (đường sắc Bắc-Nam) trên cao nhìn xuống. Hướng Đông là bến Tam Thương, Bàu Cát chảy vào thành cổ Quảng Ngãi, giáp làng Tịch Điền và

cả cánh đồng làng Ba La. Khúc sông vốn vắn 2km có dạng bình bông, giống cái bụng con dê vừa ăn no, nên gọi là Trà Khúc Dương Trường, một khúc sông trong chín khúc về mặt địa lý.

Sông Trà Khúc còn được nhập hồn cùng huyền thoại vào thuở khai thiên lập địa, dòng sông nguyên là một dải lụa xanh của nàng tiên giáng thế, trên thiên đình xuống tắm bể đông còn quên để lại dây, bị ngọc hoàng quở trách cấm không cho lai vãng trần gian, và ra lệnh đổ mưa lũ, kéo dải lụa về tiên giới. Không ngờ dải lụa tạo thành dòng nước lớn quanh co uốn lượn, từ thượng nguồn ra biển, có chín khúc sông, và đời sau này đặt tên là Trà Khúc dương trường. Khúc là khúc sông, còn Trà là một trong bốn họ Ôn, Ma, Trà, Chế của người Chiêm đã có một thời kiệt liệt.

Đối diện với làng Tàu Tượng, bên kia bờ tả ngạn sông Trà, một dãy bờ xe nước dẫn thủy nhập điền cho đồng bằng huyện Sơn Tịnh, ngày đêm âm thanh réo rắt, cùng với hai thắng cảnh giao hòa là Long Đầu Hỷ Thủy, Thiên Ấn Niêm Hà. Tuy nay công trình thủy lợi Thạch Nham đã thay thế cho các bờ xe nước, con rồng thuở xa xưa không còn giỡn nước sông Trà, nhưng âm vang ấy mãi vọng theo tiếng thời gian, và con dấu trời in bóng sông xanh không ngừng lay động.

Thi sĩ Bích Khê đã cảm cảnh trong bài thơ “Trên núi Ấn ngắm sông Trà”:

Trà giang, Thiên Ấn chuông gầm sóng
Vang tiếng ngàn xưa đất Cẩm Thành
Ngàn xưa quả ấn nằm trơ mốc
Một dải sông Trà chảy rậm xanh
Xót hồn cổ độ sương vài giọt
Xịch bóng tà huy nguyệt mấy canh
Ngàn dặm tà huy dẫu đó tá!
Cánh chim kêu lạnh đập trên cành.

Làng Tàu Tượng cái tên nghe thật hiếu kỳ, hồi nhỏ tôi chưa kịp tìm hiểu, đến bây giờ thì tiếc thay cái tên làng Tàu Tượng không đâu nhắc tới, địa phương chỉ dường như cũng lãng quên. Ông nội tôi, một cử nhân Hán học trong làng đã kể cho tôi nghe lúc tôi 15 tuổi.

Làng Tàu Tượng có từ lâu đời, một địa danh xa lạ thuộc đất Tượng Quận vào đời Tần Thủy Hoàng bên Tàu. Mãi hai thiên niên kỷ sau, các triều đại vua chúa nhà Nguyễn mới manh nha thành một đơn vị hành chính. Ban đầu thuộc xứ Cù Mông, rồi Chánh Mông, dân ở các miền ngoài vào đây thấy đất đai màu mỡ, núi sông tươi tốt, cư trú, dần hồi thành làng thôn. Truyền thống của làng sống bằng nghề nông và đánh bắt cá trên sông Trà Khúc, đặc sản là cá Bống, Don, Hến...

Tên làng Tàu Tượng có lẽ có vào thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) vừa bình định xong các tỉnh phía Nam, trên đường về Thuận Hóa, đã dừng lại Quảng

Ngãi, chọn làng làm điểm để nuôi voi, mục đích dùng vào việc phòng thủ và chiến đấu và tiếp chuyển quân nhu, quân cụ... tự dựng làng trở thành cái tàu nuôi voi tên tuổi. Các bậc trưởng lão, trưởng thượng đã ghép hai từ "tàu" và "voi" thành hai từ Hán-Việt, gọi là Tàu Tượng.

Làng được nhà chúa miễn cho tất cả các sắc thuế, sức dân làng thay vì đất sản xuất nông nghiệp chỉ độc nhất trồng cây chuối hột, địa phương gọi là cây chuối chát, thức ăn chủ yếu cho voi. Bởi làng có độ trũng, giữ được ẩm ướt, chất phù sa của sông Trà đổ vào mùa mưa lũ, rất thích hợp cho cây chuối phát triển nhanh, thừa cung cấp voi ăn bốn mùa.

Thường ngày các tay nài dẫn voi theo con đường làng ra sông uống nước, rồi theo cát trống, rộng, dựa mé sông lên bãi ông bành (ông là ông voi, bành là bành voi) sát làng Thạch Bích cho các quan tượng luyện tập. Chiều về đi ngang qua làng nhận lấy cây chuối, được chặt từng đoạn vừa tầm chở trên lưng voi, do dân làng đồn sẵn để chở theo phân bố của người có trách nhiệm trong làng. Lúc bấy giờ cả làng Tàu Tượng đều trồng chuối, một màu xanh phủ kín, che nắng mùa hạ, cản gió mùa đông, quanh năm tươi mát hiếm nơi đâu bằng.

Thời Tây Sơn làng Tàu Tượng còn trên 100 thớt voi, số voi này đã cung cấp cho cuộc chiến với nhà Nguyễn ở thành Phú Xuân – Huế. Nghe đâu bà Bùi Thị

Xuân tuần tiết, số voi này cũng theo bà đi luôn. Khi Gia Long thống nhất sơn hà, ngoài số voi già yếu còn lại, triều đình không tiếp ngân sách nuôi bổ sung.

Năm 1807, toàn quyền Pháp và Nam triều xây dựng thành Quảng Ngãi, lập tỉnh lỵ, xã hội tiếp cận văn minh cơ giới, việc sử dụng voi xem như hạn chế. Tàu nuôi voi của làng Tàu Tượng xem như giải thể, sót lại vài con tương đối tốt được đem vào thành bảo quản, làm nền cho mỗi cuộc lễ lớn hay hội chợ. Chuối làng Tàu Tượng cũng vì vậy triệt tiêu dần. Mỗi nhà vườn còn giữ một số ít, hay vài bụi sau hè, bên giếng nước để nuôi heo, lấy trái ăn sống, trái chín ngâm rượu làm thuốc, lá dùng gói các loại bánh và thực phẩm phổ biến. Từ ngày cây chuối không còn dùng cho voi, dân làng chuyển sang làm kinh tế tự túc, nguồn lợi không nhỏ của gia đình.

Con đường làng dành cho voi ra sông uống nước, cũng là con đường ra bến dò Trà Khúc, qua bên kia bờ tả ngạn, tục gọi quán cơm, chỉ còn đoạn ở ngoài được đắp một con đê ngăn nước mùa lụt. Dấu tích ấy đã là tiền đề cho ngày nay trở thành con đường đê bao quanh sông Trà, kè đá, xây đúc kiên cố, để bảo vệ thành phố vào mùa nước lũ.

Thời Pháp thuộc mở đường cái quan (quốc lộ 1A) tại km 1055 +464 – QL1A và xây cầu Trà Khúc một lần đầu tiên vào năm 1929. Con đường ra sông thưa dần,

bến dò Trà Khúc văng khách sang sông, nhưng sau hiệp định Giơnevơ 1954, bến dò thành ra bến phà dã chiến, có trọng tải nặng cho người và các loại xe qua lại, vì cầu Trà Khúc bị tàn phá trong kháng chiến 1 (1945-1954) và được tái thiết vào năm 1963, hoàn thành năm 1965, dài 643m, rộng 7,5m.

Trước một ngôi nhà tranh vách đất từ đời ông nội tôi đã cho tôi chào đời, là khu vườn đình và dinh bà làng Tàu Tượng, nay toàn khu là trường tiểu học Lê Hồng Phong. Dưới mái nhà xưa, làng xưa nay đã được đô thị hóa nhà cửa san sát sầm uất, nhìn lại cảnh xưa mà lòng bồi hồi vương vấn, cây đa, cái đình không còn nữa, bến nước, con dò đã vang bóng, nhưng cái rẻo đất thon dài như hình người con gái nằm nghiêng, tóc xòa lững lờ trôi theo dòng sông Trà vẫn khắc dấu trong hồn tôi.

Dẫu rằng nhiều năm qua gia đình tôi đã thường trú phường Bình Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, một quận tách ra từ huyện Nhà Bè 1997. Nhưng mỗi chiều về tôi cứ ngỡ cây cầu Tân Thuận và dòng Kinh Tế là cây cầu Trà Khúc và dòng sông Trà ở quê nhà, lòng tôi lúc nào cũng hướng về quê hương, nơi chôn nhau cắt rún của tôi, với bao thiết tha yêu dấu...

Hai câu thơ của nhà thơ Chế Lan Viên luôn luôn nhập vào hồn tôi:

"Khi ta ở chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn "

MỤC LỤC

	trang
GIỚI THIỆU.....	5
LỜI NÓI ĐẦU	11
MƯỜI HAI DANH THẮNG.....	13
QUẢNG NGÃI QUÊ TÔI.....	19
THẮNG CẢNH QUÊ TÔI.....	20
THIÊN ẮN NIÊM HÀ	23
THIÊN BÚT PHÊ VÂN	31
LONG ĐẦU HÝ THỦY	37
CỔ LŨY CÔ THÔN.....	44
THẠCH BÍCH TÀ DƯƠNG.....	49
HÀ NHAI VÂN ĐỘ	52
AN HẢI SA BÀN	55
LIÊN TRÌ DỤC NGUYỆT.....	57
LA HÀ THẠCH TRẬN	60
VU SƠN LỘC TRƯỜNG	64
THẠCH KÝ ĐIỀU TẮU.....	67
VÂN PHONG TÚC VÕ.....	71
ĐẶC SẢN QUÊ HƯƠNG	74
HỒN QUÊ VƯƠNG VẤN	79

DANH THẮNG XỨ QUẢNG

Nguyễn Đình Cồ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
179 Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP.HCM
ĐT: (08) 39316435 - 38249528 - 35260124
Fax: (08) 39316435
Email: nxbvannghes@vnn.vn
Website: www.nxbvannghes.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN ĐỨC BÌNH

Biên tập:

KIM PHƯỚC

Sửa bản in:

BẢO BẢO

Trình bày, bìa:

NGỌC ÁNH

Liên kết xuất bản: TÁC GIẢ

Tái bản lần thứ nhất. Số lượng: 1.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm.

Tại Xí nghiệp In FAHASA

Số đăng ký KHXB: 70-2009/CXB/19-01/VNTP.HCM.

Quyết định xuất bản số: 102/QĐ-NXBVN ngày 16/6/2009.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2009.



Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000883

ĐT: 0913.637.643

Những danh lam thắng
cảnh của từng địa phương,
qua bao thăng trầm lịch sử
đã lưu giữ trong đó những
kết tinh văn hóa của địa
phương đó, và mặc nhiên
trở thành vốn quý của cả
dân tộc. Tuy nhiên, chẳng
cảnh vật nào có thể trường
tồn mãi với thời gian
con người không c
nom, gìn giữ n

